




CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

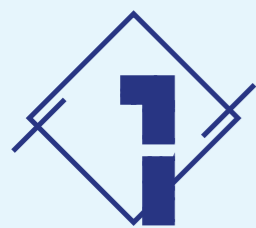
 Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

 Số điện thoại: 0236 375 9991

 Website: <https://hachiba.com.vn/>

# 2022

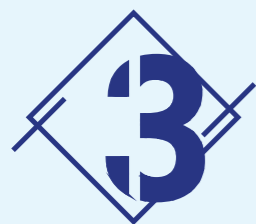
## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**THÔNG TIN CHUNG**



**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**



**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**QUẢN TRỊ CÔNG TY**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các thành tích trong quá trình hoạt động
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
Tên viết tắt:	HACHIBA
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	Số 3203001358 (số mới 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018
Vốn điều lệ:	51.992.740.000 đồng
Địa chỉ:	60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số điện thoại:	0236 375 9991
Số fax:	0236 375 9622
Website:	<a href="https://hachiba.com.vn/">https://hachiba.com.vn/</a>
Mã cổ phiếu:	HCB

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 2007

Ngày 27/3/2007, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/03/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng, Công ty chính thức được cổ phần hóa với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Dệt May 29/3, vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

Ngày 01/10/2007, Công ty cổ phần Dệt may 29/3 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

### 1984

30/04/1984, Xí nghiệp công ty chuyển đổi thành Nhà máy dệt quốc doanh mang tên Nhà máy dệt 29/3. Nhà máy được Nhà nước bình chọn là “Lá cờ đầu” và được tặng nhiều cờ, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành và địa phương.

### 1978

01/11/1978, UBND Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng ký quyết định chuyển đổi Tổ hợp dệt khăn bông 29-3 thành Xí nghiệp công ty hợp doanh Dệt 29-3.

### 1976

Ngày 29/03/1976, Tổ hợp dệt khăn bông 29/3, tiền thân của Công ty cổ phần Dệt may 29/3 được thành lập.

### 2010

Ngày 07/07/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Chứng khoán.

### 2018

Ngày 17/08/2018, Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 51,99 tỷ đồng.

### 2019

Ngày 09/12/2019, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã cổ phiếu là HCB.

### 2022

Năm 2022, vượt lên những khó khăn chung của ngành, HCB vẫn ký kết đủ đơn hàng, đáp ứng nhu cầu sản xuất may mặc của cả năm, qua đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó.

## — CÁC THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG —

**Trong năm 2022, Công ty đã được các cấp khen thưởng và nhận danh hiệu dưới đây:**

- Danh hiệu: "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2022" do Người tiêu dùng bình chọn.
- Bằng khen: "Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn năm 2017-2021" do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng. (Quyết định số: 2303/QĐ-BHXH ngày 13/09/2022).
- Bằng khen: "Đã có thành tích xuất sắc trong chăm lo đời sống người lao động năm 2022" (Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 10/10/2022)
- Giấy khen: "Đã có thành tích hoàn thành tốt công tác thuế năm 2021" do Tổng cục trưởng Tổng Cục thuế tặng Chi nhánh Công ty CP Dệt-May 29/3 - XN May Duy Trung. (Quyết định số: 1169/QĐ-TCT).
- Giấy chứng nhận: "Tấm lòng vàng - Đã đóng góp tích cực cho Chương trình gây quỹ" Những trái tim hồng - lần 9", trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi và người bất hạnh năm 2022.
- Giấy khen: "Đạt tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu năm 2022" do Đảng ủy Khu Công nghệ cao và các Khu Công nghiệp Đà Nẵng tặng "(Quyết định số: 331-QĐ/ĐU ngày 16/01/2023)
- Giấy khen: "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác Kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng năm 2022" do Đảng ủy Khu Công nghệ cao và các Khu Công nghiệp Đà Nẵng tặng "(Quyết định số: 337-QĐ/ĐU ngày 16/01/2023).



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may.
  - Bán buôn các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn.
  - Bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn.
  - Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may.
- Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

### Các sản phẩm sản xuất chính của công ty là:

Khăn bông các loại, quần áo các loại, veston.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### ĐỊA BÀN KINH DOANH



ĐÀ NẴNG



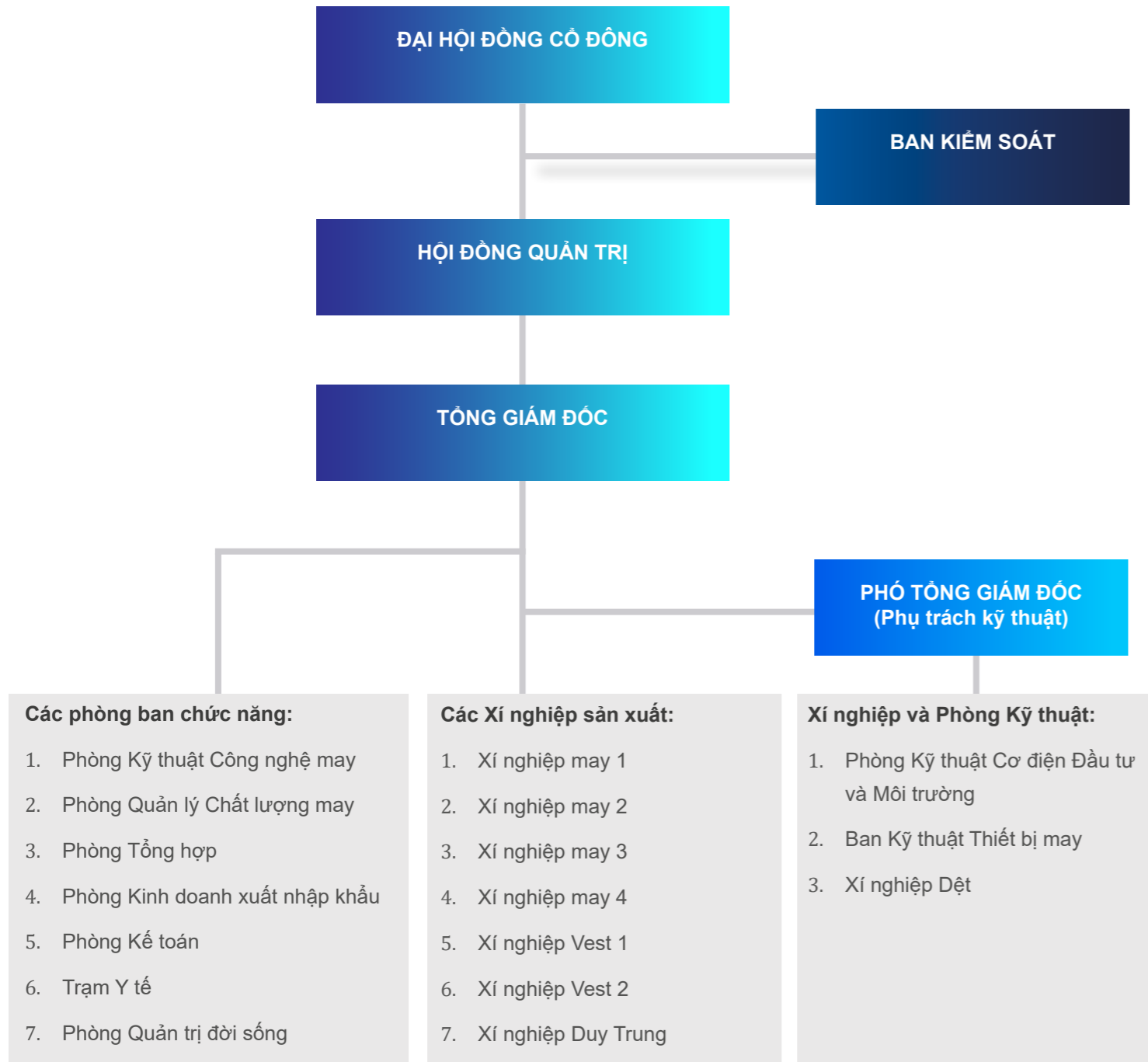
QUẢNG NAM

**NĂNG LỰC SẢN XUẤT:** Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm khăn bông và may mặc. Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, E.U, Nhật Bản.... Với đội ngũ lao động hiện nay trên 3.300 người và 9 xí nghiệp: trong đó có 6 xí nghiệp may, 2 xí nghiệp veston và 1 xí nghiệp dệt khăn bông. Năng lực sản xuất hằng năm gồm:

- **May mặc:** trên 11 triệu sản phẩm may mặc bao gồm các sản phẩm áo quần thể thao, đồng phục y tế, đồ veston, quần âu, jacket, ....
- **Khăn bông:** Vì yếu tố môi trường, Công ty đã thực hiện cắt giảm ngành dệt, qua đó ghi nhận sản lượng sản xuất khăn bông đạt 28 tấn trong năm 2022.

Công ty sản xuất và kinh doanh tại địa chỉ 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 - Xí nghiệp may Duy Trung địa chỉ tại Cụm Công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam.

Sơ đồ tổ chức



**Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 – Xí nghiệp may Duy Trung**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

Mã số doanh nghiệp: 0400100457-007

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con và công ty liên kết





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



- HCB hoạt động với tiêu chí không ngừng sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao khách hàng bằng chất lượng sản phẩm tốt nhất.
- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Tiếp tục duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh truyền thống và phát triển khách hàng mới, duy trì quan hệ tốt với khách hàng cũ, nâng cao giá trị thương mại với dòng sản phẩm veston.
- Nâng cao uy tín thương hiệu thông qua chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động.
- Áp dụng công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh nhằm tăng hiệu quả và năng suất sản xuất, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả và tối đa hoá lợi nhuận, mang lại lợi ích thiết thực cho cổ đông.

### Chiến lược trung và dài hạn



#### Về chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh

Đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung 2 (bên cạnh Xí nghiệp may Duy Trung 1) tại Cụm công nghiệp Tây An, Duy Xuyên đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh theo yêu cầu của khách hàng trong năm 2024.

Tiếp tục đầu tư thêm các thiết bị chuyên dùng hiện đại, có năng suất cao để tăng năng suất lao động theo năng lực tài chính của công ty và đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Áp dụng triệt để và có hiệu quả công nghệ sản xuất tinh gọn cho tất cả các hoạt động sản xuất tại Công ty

#### Về phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca và chế độ phúc lợi khác cho người lao động để thu hút, tuyển dụng thêm nhân lực cho các xí nghiệp.

Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt để có lực lượng thay thế cho số cán bộ đã đến tuổi nghỉ hưu trong các năm tới.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Chiến lược trung và dài hạn



#### Về chiến lược thị trường

Đa dạng hóa thị trường, khách hàng và sản phẩm để ổn định sản, phòng tránh rủi ro. Tiếp tục tìm kiếm những thị trường mới, khách hàng mới nhất là khách hàng sản xuất Veston để nâng cao hiệu quả sản xuất và đầu tư. Cân đối tỷ trọng các đơn hàng FOB/CMT một cách hợp lý bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính cho công ty.

Tăng cường công tác quản trị sản xuất và quản trị rủi ro, nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành của Ban điều hành các cấp trong đó chú trọng năng lực điều hành của Giám đốc xí nghiệp trong chỉ đạo thực hiện công tác cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động và thực hiện tốt kế hoạch các đơn hàng được giao.

#### Về định hướng tổ chức, phát triển doanh nghiệp

Để phù hợp với chủ trương xây dựng thành phố môi trường xanh của Đà Nẵng và yêu cầu “sản xuất xanh” của khách hàng toàn cầu, nên HĐQT đã chỉ đạo chấm dứt ngành dệt vào năm 2023.

Công ty đã xây dựng lộ trình phấn đấu đến năm 2025 trở thành công ty đạt tiêu chí sản xuất xanh của Tổ chức môi trường xanh Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và chủ trương của Thành phố.

### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng



- Đảm bảo lợi ích cốt lõi của doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.
- Tập trung chăm sóc về lương, thưởng, các chính sách đã ngộ và các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động làm việc an toàn và phát huy năng lực, nâng cao năng suất làm việc, tạo điều kiện và môi trường phát triển tốt.
- HCB luôn làm việc và tuân thủ pháp luật, chấp hành tốt các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 ước tính tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại sau đại dịch Covid – 19. Đối với nền kinh tế toàn cầu, theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2022, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến chỉ đạt 3,2%, trong khi năm 2021 đã ghi nhận mức tăng trưởng là 6%. Mặc dù năm trước được kỳ vọng là năm phục hồi mạnh mẽ của kinh tế thế giới trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát cơ bản, nhưng dữ liệu tăng trưởng lại chỉ thấp hơn. Điều này cho thấy một phần khó khăn mà nền kinh tế thế giới sẽ đối mặt trong năm 2022.

Năm 2022, thị trường ngành dệt may ghi nhận sự biến động đáng kể. Trước đó, trong nửa đầu năm, các doanh nghiệp dệt may đã đón nhận một lượng đơn hàng dồi dào và giá cả tăng lên sau một thời gian dài các thị trường xuất khẩu chính của họ bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Đáp lại, các nhà phân phối đã đặt hàng số lượng lớn vì lo sợ về tình trạng giao hàng chậm do tắc nghẽn chuỗi cung ứng trong thời gian dịch bệnh. Những đơn đặt hàng này được đặt để đáp ứng nhu cầu tăng cao của các nền kinh tế phục hồi sau đại dịch. Với tình hình bất ổn địa

chính trị từ xung đột Nga và Ukraine, tình trạng lạm phát tăng cao, chính sách Zero-Covid của Trung Quốc (thị trường lớn nhất thế giới) vẫn tiếp tục duy trì trong năm 2022...tình hình suy thoái kinh tế bắt đầu bủa vây toàn cầu từ giữa năm 2022. Ngân hàng trung ương các quốc gia trên thế giới liên tục thực hiện các biện pháp với chính sách thắt chặt tiền tệ, qua đó, lãi suất tăng cao, các nguồn vốn được siết chặt lại để kiềm chế lạm phát. Giai đoạn nửa cuối năm 2022, thị trường dệt may xoay chiều, ảm đạm, đơn hàng ít và giá hạ sâu tạo ra lượng hàng tồn kho lớn. Hàng loạt doanh nghiệp dệt may phải cắt giảm lao động cũng như phải thích ứng, nhận các đơn hàng nhỏ, giảm giá đơn hàng, cơ cấu lại sản xuất từ hàng dệt kim sang dệt thoi và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu.



Với việc hoạt động trong lĩnh vực dệt may, Công ty cổ phần Dệt May 29/3 luôn nhận thức được những rủi ro mà nền kinh tế có thể gây ra đến hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của Công ty. Bằng cách theo dõi và dự báo các thay đổi trên thị trường, Công ty có thể đề ra các giải pháp linh hoạt và phù hợp với thực tế để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì và vận hành ổn định. Ngoài ra, việc đảm bảo toàn bộ lực lượng lao động trong hệ thống cũng là một mục tiêu quan trọng để hướng đến sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.



## Rủi ro pháp luật

Công ty Dệt May 29/3 là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại Việt Nam và phải tuân thủ nhiều quy định của pháp luật Việt Nam như Luật Doanh Nghiệp, Luật Kế Toán, Luật Lao Động và các chính sách thuế hải quan liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Ngoài ra, Công ty còn phải tuân thủ các quy định của thị trường chứng khoán Việt Nam do hiện đang là công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM. Hiện nay, các thị trường phát triển trên thế giới ngày càng khắt khe hơn với các tiêu chuẩn nhập khẩu. Đơn cử như

việc ký kết Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên Minh Châu Âu (EVFTA) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam đến EU, tuy nhiên sản phẩm phải đáp ứng các quy tắc đầu vào và chất lượng để được xuất khẩu. Qua đó, Công ty Dệt May 29/3 luôn cập nhật và nghiên cứu kỹ lưỡng các quy định pháp luật liên tục đổi mới để phù hợp với nền kinh tế cũng như các thị trường xuất khẩu và đảm bảo hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và phòng ngừa các rủi ro pháp lý.



## Rủi ro nguyên vật liệu

Trong ngành dệt may, yếu tố nguyên vật liệu đầu vào là rất quan trọng. HCB là một doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào sản xuất may mặc, nhưng quy mô phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ không tương xứng. Do đó, nguồn cung nguyên vật liệu không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Hầu hết các nguyên vật liệu đều được nhập khẩu từ Trung Quốc, gây ra nhiều thách thức cho ngành dệt may nói chung và HCB nói riêng trong việc quản lý chi phí đầu vào và tìm kiếm nguồn cung thay thế. Với việc phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nguyên liệu đầu vào từ các nước nhập khẩu, các rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty như:



- **Biến động giá nguyên vật liệu:** Nếu giá nguyên vật liệu tăng đột ngột, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc đảm bảo nguồn cung cấp đủ và giá thành hợp lý.
- **Thay đổi chính sách và luật pháp:** Thay đổi chính sách và luật pháp của các quốc gia cung cấp nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng đến việc nhập khẩu, làm tăng chi phí và đưa ra yêu cầu chất lượng mới đối với các nguyên vật liệu.
- **Khó khăn trong kiểm soát chất lượng:** Không thể đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp có thể làm giảm chất lượng sản phẩm cuối cùng. Nếu sản phẩm cuối cùng không đáp ứng được yêu cầu chất lượng, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường và cạnh tranh với các sản phẩm khác.

Qua đó, để giảm thiểu rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào, Công ty tập trung vào việc kiểm soát chất lượng và giá cả của nguyên vật liệu đầu vào, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, và hạn chế rủi ro từ việc nhập khẩu nguyên vật liệu để nâng cao năng lực cạnh tranh ở hiện tại và tương lai.

## Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2022, Việt Nam đang đối mặt với một số khó khăn về tỷ giá, khi đồng VND đã mất giá đáng kể so với đồng đô la Mỹ, đỉnh điểm vào tháng 11/2022, với tỷ giá suy giảm gần 9%. Điều này gây ra rủi ro cho các khoản phải trả khách hàng, do tăng giá trị của đồng USD. Ngoài ra, sự tăng giá trị của tỷ giá cũng tác động đến chi phí đầu vào và dòng tiền tài chính của các công ty, đặc biệt là trong bối cảnh lực cầu từ thị trường tiêu thụ sản phẩm may mặc đang suy giảm. Điều này có thể gây ra sự trì hoãn trong việc thu các khoản phải thu và tăng chi phí tài chính của các công ty.

Để giảm thiểu tác động của yếu tố ngoại tệ và tỷ giá, Công ty luôn cố gắng tăng cường quan hệ hợp tác với các ngân hàng lớn trong nước và nước ngoài tại Việt Nam, đàm phán về hạn mức tín dụng và giải pháp cho tiền ngoại tệ và các công cụ tài chính ngoại tệ với các ngân hàng. Bên cạnh đó là luôn lập kế hoạch và phương án dự trữ dòng tiền để sẵn sàng huy động nguồn tiền để thanh toán nhanh trong những trường hợp tỷ giá ngoại tệ có biến động mạnh.

## CÁC RỦI RO



### Rủi ro lãi suất

Trong năm 2022, một sự kiện quan trọng trên thị trường tài chính và tiền tệ toàn cầu là việc các ngân hàng trung ương (NHTW) tích cực áp dụng chính sách lãi suất cứng hơn để đối phó với tình trạng lạm phát gia tăng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tại Hoa Kỳ, tính đến tháng 02/2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất tham chiếu lần thứ 8 liên tiếp kể từ tháng 3/2022, đưa lãi suất tham chiếu tại Mỹ lên khoảng 4,5 - 4,75%, mức cao nhất từ tháng 10/2007. Với tình hình kinh tế quốc tế như vậy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã chính thức hai lần nâng lãi suất điều hành vào tháng 9 và tháng 10 năm 2022. Qua đó kéo theo sự gia tăng đồng loạt lãi suất tại các ngân hàng thương mại.

Với mức lãi suất tăng cao, việc kiểm soát chi phí tài chính trong việc sử dụng nợ vay ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty càng trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, với sự cần thiết của việc sử dụng nợ vay ngắn hạn trong hoạt động sản xuất hàng tiêu dùng, HCB luôn cập nhật thông tin về thay đổi lãi suất và tỷ giá để có những quyết định phù hợp đối với nguồn vốn vay của Công ty và đảm bảo sự chủ động trong quản lý tài chính.

### Rủi ro cạnh tranh

Để cạnh tranh với các quốc gia xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Campuchia, các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam phải cải thiện chất lượng sản phẩm và tích cực hội nhập vào thị trường quốc tế bằng cách tiêu chuẩn hóa chuỗi giá trị sản xuất. Hiện nay, với căng thẳng trong quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc, việc tham gia sâu rộng vào các Hiệp định Thương mại Thế giới như CPTPP, EVFTA và RCEP là cơ hội để ngành sản xuất dệt may trong nước ngày càng được nâng cao, cải thiện và mở rộng thị phần trên thị trường toàn cầu. Để tận dụng triệt để cơ hội này, các doanh nghiệp trong đó có Công ty cần phát triển chiến lược kinh doanh và chuyển đổi, đào tạo nhân lực, đẩy mạnh công tác thị trường, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, cần đầu tư vào các thiết bị hiện đại và tự động, đồng thời tăng cường quản lý tài chính để đảm bảo phát triển bền vững của thị trường.

## CÁC RỦI RO



### Rủi ro môi trường

Ngành dệt may xuất khẩu của Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức về môi trường do đây là ngành tiêu tốn nhiều năng lượng và nước, và có nhiều hoạt động xả thải. Trên thị trường quốc tế, các doanh nghiệp trong ngành phải tuân thủ yêu cầu về nguồn gốc và xuất xứ của nguyên liệu sản xuất, đồng thời chứng minh trách nhiệm xã hội đối với sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, ngành dệt may Việt Nam cần tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường trong nước, bao gồm quy chuẩn về nước thải công nghiệp và nước thải từ ngành dệt may. Từ năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, việc phát triển ngành dệt may phải đi đôi với việc lựa chọn công nghệ phù hợp để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay, để đảm bảo sự phát triển bền vững và tuân thủ các quy định pháp lý, các dự án mới trong ngành dệt may đều áp dụng tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến nhất về thiết kế và sử dụng nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và khu vực lân cận.

### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã được đề cập ở trên, thì HCB còn đối mặt với những rủi ro không thể lường trước được như: thiên tai, dịch bệnh... đặc biệt trong năm 2022 do ảnh hưởng của cơn bão số 5 đã gây ngập lụt lớn nhiều hàng hoá trong kho kho bị ướt dẫn đến hư hỏng, mất phẩm chất; ước tính giá trị tổn thất lên đến 35 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty đã có hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ chi trả thiệt hại và quá trình thẩm định mức độ hư hại vẫn đang được các công ty bảo hiểm thực hiện.

Để giảm thiểu những rủi ro trên, ngoài sử dụng những hợp đồng bảo hiểm Công ty còn chủ động phòng ngừa bằng những biện pháp phòng chống linh hoạt và kịp thời để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường.



# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Đặc điểm tình hình thị trường dệt may năm 2022



Năm 2022 là một năm nhiều biến động thăng trầm chưa từng xảy ra đối với ngành Dệt may Việt Nam khi đứng trước sức ép kinh tế toàn cầu suy giảm. Nếu 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu dệt may cả nước tăng trưởng với con số ấn tượng thì trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2022, tình hình xuất nhập khẩu ngành dệt may bị chững lại, số lượng đơn hàng giảm mạnh, có những doanh nghiệp không có đơn hàng, nguy cơ đứng bên bờ vực phá sản hoặc giải thể, làm hàng vạn lao động ở nhiều tỉnh, thành bị mất việc.

### Thuận lợi

Trong các tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước, trên thế giới đã được kiểm soát, nhu cầu đơn đặt hàng tăng nên Công ty tiếp tục nhận được nhiều đơn hàng với số lượng tương đối lớn, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất. Đơn hàng Veston có sự hồi phục nhẹ, khách hàng tiếp tục trở lại đặt hàng giúp Công ty có đơn hàng sản xuất, tiêu thụ hàng thành phẩm và nguyên phụ liệu tồn kho.

### Khó khăn

Kể từ tháng 07/2022, tình hình các đơn hàng của Công ty giảm dẫn đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn cuối năm. Các đơn hàng sụt giảm mạnh về số lượng và giá cả do suy giảm kinh tế và lạm phát tăng trên thị trường toàn cầu, nhu cầu hàng dệt may giảm do sức tiêu thụ yếu, tồn kho tăng. Ở trong nước, lãi suất ngân hàng cao, mức lương tối thiểu và chi phí sản xuất tăng, cạnh tranh đơn hàng gay gắt,...

Trận lụt lịch sử tại Đà Nẵng ngày 14/10/2022 đã gây ảnh hưởng lớn đến Công ty do nguồn nguyên phụ liệu bị hư tổn dẫn thiếu nguồn nguyên phụ liệu để đồng bộ vào quá trình sản xuất của Công ty.

### Kết quả đạt được

Với truyền thống của một Công ty luôn đặt “uy tín” lên hàng đầu, lấy khách hàng làm trung tâm và chủ động sẵn sàng vượt khó nên Công ty vẫn đảm bảo giao hàng đúng tiến độ, ưu thế lớn là chiếm được lòng tin nơi khách hàng và khách hàng cam kết tiếp tục hợp tác lâu dài với Công ty. Do đó, năm qua Công ty đã ký kết đủ đơn hàng, đáp ứng nhu cầu sản xuất may mặc của cả năm. Quan trọng nhất là có sự đoàn kết, đóng góp và nỗ lực tích cực của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên nên kết quả đạt được trong năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH2022/TH2021	TH2022/KH2022
<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	840,98	865	937,93	111,53%	108,43%
<b>Tổng đầu tư</b>	Tỷ đồng	12,08	21,9	15,43	127,73%	70,46%
<b>LNTT</b>	Tỷ đồng	15,10	20	23,02	152,39%	115,09%
<b>Thu nhập bình quân</b>	Triệu đồng/người/tháng	8,5	8,75	8,92	104,94%	101,94%
<b>Tỷ lệ cổ tức/VĐL</b>	%	15%	15-20%	20%	-	-



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

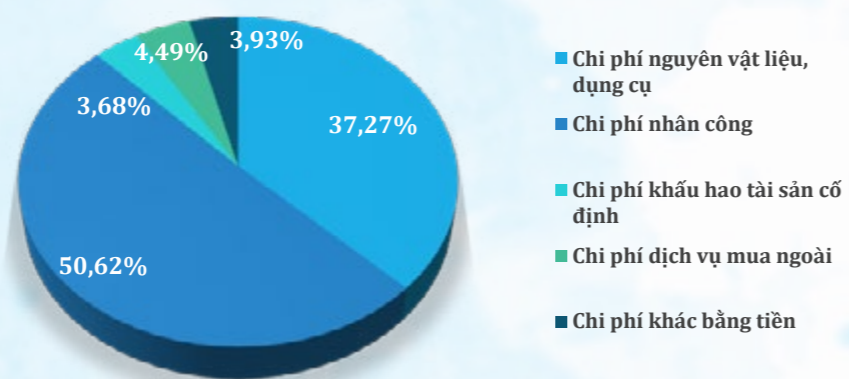
### Kết quả đạt được

#### Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ	319.488.905.151	341.620.900.450
2	Chi phí nhân công	399.452.722.966	463.893.396.905
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.874.152.274	33.747.798.950
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.778.158.428	41.183.681.847
5	Chi phí khác bằng tiền	26.663.312.396	36.047.483.537
	<b>Cộng</b>	<b>812.257.251.215</b>	<b>916.493.261.689</b>

#### Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2022



#### Cơ cấu doanh thu theo thị trường

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		TH2022/ TH2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu xuất khẩu	768.467.043.811	91,37%	914.308.308.073	97,48%	118,98%
Doanh thu nội địa	72.579.782.459	8,63%	23.618.586.314	2,52%	32,54%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>841.046.826.270</b>	<b>100,00%</b>	<b>937.926.894.387</b>	<b>100,00%</b>	<b>111,52%</b>





## Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày: 27/02/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc	552.500	10,63%
2	Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	26.900	0,52%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Kế Toán Trưởng	5.312	0,1%

### Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Ngày sinh	: 01/09/1959
Nguyên quán	: Quảng Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không
Sở hữu chứng khoán khác của các Công ty	: Không

Thời gian	Đơn vị công tác
1981 – 1986	Nhân viên phòng Kế hoạch - XN Công tư Hợp danh 29/3
1986 – 1990	Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Nhà máy Dệt 29/3
1990 – 1999	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Dệt may 29/3
1999 – 2007	Phó Giám đốc - Công ty Dệt may 29/3
2007 – nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Dệt may 29/3

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Ông Trần Xuân Hòa Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	: 01/12/1963
Nguyên quán	: Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ nhiệt điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không
Sở hữu chứng khoán khác của các Công ty	: Không

Thời gian	Đơn vị công tác
1982 - 1984	Nhân viên XN Dệt - Xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3
1984 - 2007	Trưởng ca sản xuất, Phó quản đốc phân xưởng Dệt, Trưởng phòng cơ điện, Phó giám đốc - Công ty Dệt May 29/3
2007 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dệt may 29/3

### Bà Nguyễn Thị Kim Liên Kế toán trưởng

Ngày sinh	: 10/09/1982
Nguyên quán	: Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không
Sở hữu chứng khoán khác của các Công ty	: Không

Thời gian	Đơn vị công tác
09/2004 - 07/2020	Nhân viên kế toán Công ty CP Dệt may 29/3
07/2020 - 05/2021	Phó phòng kế toán - Công ty CP Dệt may 29/3
05/2021 - nay	Kế toán trưởng - Công ty CP Dệt may 29/3

### Thay đổi Ban điều hành trong năm 2022

Không có

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2021, cơ cấu người lao động, cán bộ công nhân viên Công ty như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>3.329</b>	<b>100,00%</b>
1	Đại học, trên Đại học	159	4,78%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	41	1,23%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	3.129	93,99%
<b>B</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>	<b>3.329</b>	<b>100,00%</b>
1	Lao động trực tiếp	3.027	90,93%
2	Lao động gián tiếp	302	9,07%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>3.329</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	645	19,38%
2	Nữ	2.684	80,62%

### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	3.701	3.408	3.329
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8,45	8,50	8,92

### Tóm tắt chính sách nhân sự

Công ty luôn đảm bảo đầy đủ các loại hình bảo hiểm bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả các cán bộ và nhân viên của công ty. Trạm Y tế của công ty cũng thường xuyên cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh ban đầu cho người lao động, sử dụng thẻ bảo hiểm y tế và đảm bảo chăm sóc sức khỏe kịp thời cho nhân viên. Công ty cũng cải thiện chất lượng bữa ăn ca tại chỗ để đảm bảo không có ngộ độc thực phẩm và thường xuyên tặng quà vào các dịp lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập công ty và sinh nhật của nhân viên. Ngoài ra, công ty cũng cấp phụ cấp cho phụ nữ công nhân đang nuôi con nhỏ và hỗ trợ kịp thời nhân viên gặp khó khăn đột xuất hoặc rủi ro.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn

**Kế hoạch của ĐHCĐ:** 21,9 tỷ đồng

**Thực hiện năm 2022:** 15,4 tỷ đồng

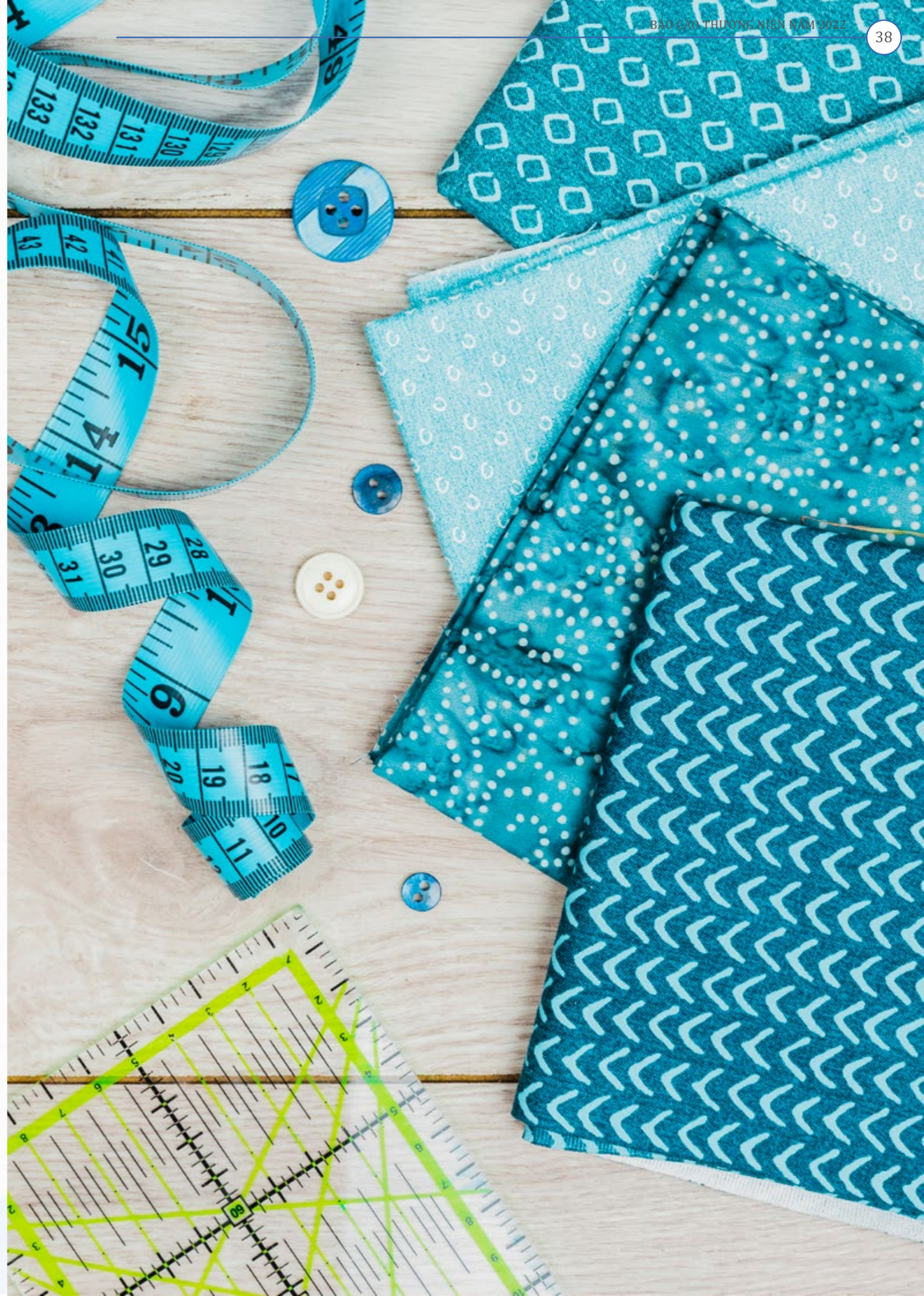
Trong năm 2022, công ty đã đầu tư 2 máy cắt tự động, 4 máy trải vải cho các xí nghiệp để nâng cao năng suất và chất lượng, đi vào hoạt động từ tháng 9/2022.

Cải tạo nhà xưởng và cơ sở vật chất sẵn có tại Xí nghiệp may Duy Trung 2 để sửa chữa, lắp đặt thiết bị đưa vào hoạt động sản xuất 3 chuyền may từ tháng 5/2022.

Dự án đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn II tại Cụm công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam với công suất 04 triệu sản phẩm/năm thực hiện trong giai đoạn 2020-2021 bị chậm tiến độ do dịch bệnh Covid-19 trong 2 năm qua. Do vậy, HĐQT điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án để đưa dự án đi vào hoạt động vào cuối năm 2024.

### Các công ty con, công ty liên kết

Không có



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	678.761.507.704	646.272.923.926	95,21%
2	Doanh thu thuần	840.978.013.335	937.926.894.387	111,53%
3	Giá vốn hàng bán	756.786.821.225	831.126.473.535	109,82%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	8.575.549.133	17.303.298.971	201,77%
5	Lợi nhuận khác	6.528.886.524	5.714.415.750	87,53%
6	Lợi nhuận trước thuế	15.104.435.657	23.017.714.721	152,39%
7	Lợi nhuận sau thuế	12.292.374.207	19.382.258.663	157,68%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

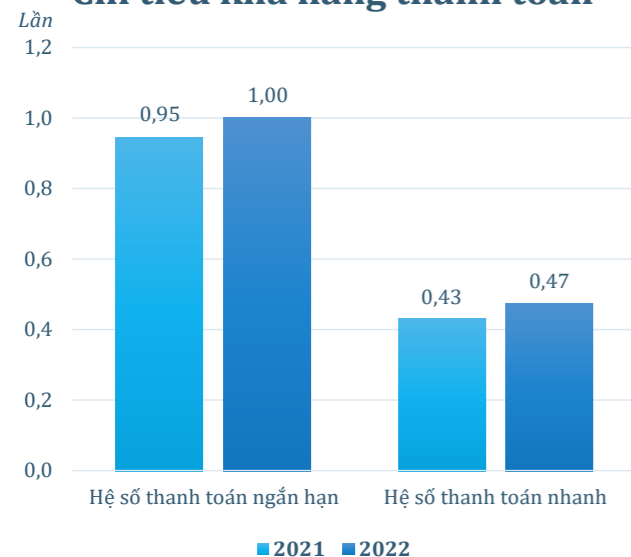
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,95	1,00
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,43	0,47
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	80,17	77,73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	404,35	349,07
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,93	3,31
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,21	1,64
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,46	2,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,29	13,92
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,76	3,39
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,02	1,84



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

#### Chỉ tiêu khả năng thanh toán

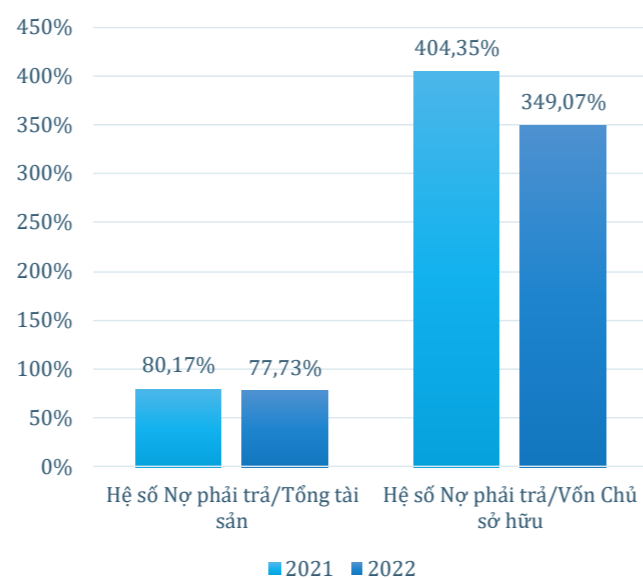


Khả năng thanh toán của Công ty trong năm nay có sự cải thiện so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,95 lần năm 2021 lên 1,00 lần năm nay. Còn Hệ số thanh toán nhanh ghi nhận tăng nhẹ, lên mức 0,47 lần năm nay. Tài sản ngắn hạn cũng như Hàng tồn kho không quá nhiều biến động trong năm nay, cuối năm chỉ ghi nhận giảm nhẹ so với hồi đầu kỳ. Trong khi đó, Nợ ngắn hạn là ghi nhận giảm từ 494,95 tỷ đồng cuối năm trước xuống còn 464,85 tỷ đồng cuối năm nay, tương ứng giảm 6,08%. Qua đó, các chỉ tiêu về thanh toán năm nay có sự cải thiện nhất định.

#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

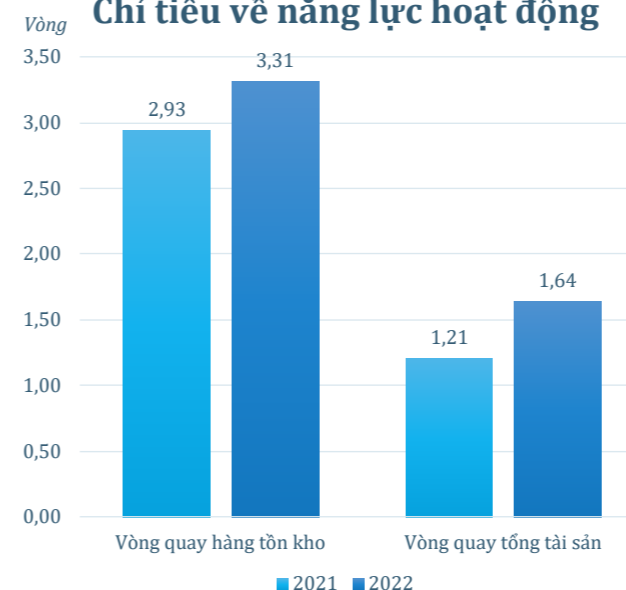
Là một doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hàng tiêu dùng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần lớn được tài trợ bởi các nguồn vốn vay là điều bình thường. Tuy vậy, tỷ trọng Nợ phải trả trong cơ cấu nợ của Công ty hiện vẫn duy trì ở mức khá cao. Năm qua, các hệ số về cơ cấu vốn đều ghi nhận sự giảm đáng kể. Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản ghi nhận 77,73% vào cuối năm, giảm 2,40%. Trong khi đó, Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu giảm hơn 55,28%, từ 404,35% hồi đầu kỳ xuống còn 349,07% cuối năm nay. Nguyên nhân đến từ việc Nợ phải trả trong năm giảm 7,68% trong khi đó, nguồn vốn chủ sở hữu tăng 6,93%.

#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

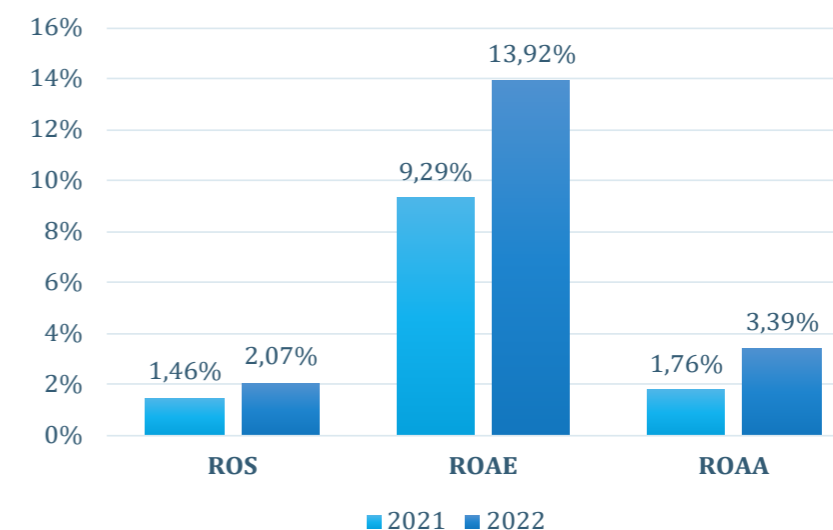


Năm qua, hiệu quả hoạt động của Công ty gia tăng đáng kể. Vòng quay Hàng tồn kho tăng từ 2,93 vòng cuối năm 2021 lên 3,31 vòng cuối năm nay. Bên cạnh đó, Vòng quay Tổng tài sản tăng lên mức 1,64 vòng cuối năm nay từ con số 1,21 vòng năm trước. Doanh thu cũng như giá vốn hàng bán tăng trưởng trong năm 2022 trong khi tổng tài sản cũng như lượng hàng tồn kho lại ghi nhận giảm vào cuối năm là nguyên nhân cho việc gia tăng các Hệ số về năng lực hoạt động của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần năm nay tăng trưởng 11,53% so với năm trước, lên mức 937,93 tỷ đồng, còn Giá vốn hàng bán tăng trưởng 9,82%, ghi nhận giá trị cuối năm là 831,13 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Tổng tài sản cuối năm 2022 ghi nhận giảm 4,79%, tương ứng giảm còn 646,27 tỷ đồng so với đầu kỳ. Hàng tồn kho cũng giảm so với cuối năm trước, xuống còn 245,70 tỷ đồng, tương ứng giảm 4,10%.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Với việc lợi nhuận sau thuế tăng trưởng rất mạnh, hơn 57,68% so với năm trước, ghi nhận giá trị 19,38 tỷ đồng vào năm 2022 đã làm các hệ số về chỉ tiêu sinh lời của Công ty năm nay gia tăng một cách đáng kể. Hệ số ROS ghi nhận 2,07 năm 2022. Hệ số ROAE và ROAA gia tăng mạnh năm nay, lần lượt ghi nhận con số vào cuối kỳ là 13,92% và 3,39%.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

5.199.274 cổ phiếu



### Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày: 27/02/2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>360</b>	<b>5.199.274</b>	<b>100,00%</b>
1	Cá nhân	359	5.180.454	99,64%
2	Tổ chức	1	18.820	0,36%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>360</b>	<b>5.199.274</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày: 27/02/2023

STT	Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	<b>Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt</b>	552.500	10,63%
2	<b>Ông Huỳnh Văn Chính</b>	504.629	9,71%
3	<b>Ông Lâm Trọng Lương</b>	499.231	9,60%
4	<b>Nguyễn Xuân Tùng</b>	378.750	7,28%
3	<b>Nguyễn Xuân Anh</b>	324.625	6,24%
4	<b>Ông Nguyễn Đình Trường</b>	308.000	5,92%
5	<b>Ông Phạm Phú Kiệt</b>	270.470	5,20%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.838.205</b>	<b>54,59%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
03/2007	-	15.000.000.000	Công ty cổ phần hóa với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng	UBND và Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Đà Nẵng
07/2007	20.000.000.000	35.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
12/2011	7.000.000.000	42.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
11/2018	9.992.740.000	51.992.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (theo Thông tin về số liệu sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại VSD)

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

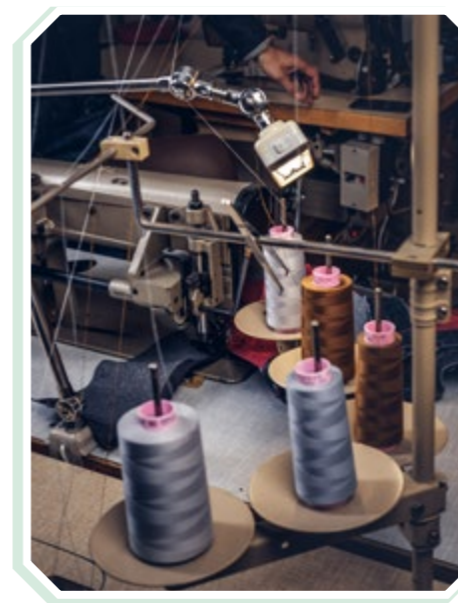
Trong quá trình hình thành và phát triển, HCB luôn coi trọng việc đạt được sự phát triển bền vững kết hợp với lợi ích kinh tế từ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty. HCB cũng tăng cường tính minh bạch và đảm bảo lợi ích cho cổ đông bằng cách thường xuyên chi trả cổ tức. Ngoài ra, HCB còn cam kết cung cấp công ăn việc làm cho người lao động và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung. Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên của HCB luôn nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, tìm kiếm cơ hội, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng quy mô doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

### Tác động lên môi trường

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với những yêu cầu về an toàn môi trường. Công ty luôn có các biện pháp kiểm soát chất lượng và quản lý tốt hơn về các sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào đến khâu sản xuất. Qua đó, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, vừa phát triển được hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo công tác an toàn môi trường.



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu



Hoạt động sản xuất của Công ty là các mặt hàng dệt may. Qua đó, nguồn nguyên liệu chính cho hoạt động sản xuất của Công ty là vải may, bên cạnh đó là các phụ liệu liên quan như kim, chỉ... Các nguyên phụ liệu của Công ty đều đến từ các nhà cung cấp uy tín, là đối tác lâu năm của Công ty.

Tuy nhiên, HCB luôn nỗ lực tìm kiếm nguồn cung đạt chuẩn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của phía đặt hàng. Bên cạnh đó, Công ty luôn xem xét, lựa chọn kỹ lưỡng nguồn nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo sản phẩm được đưa đến người dùng đạt tiêu chuẩn về chất lượng. Đồng thời, Ban quản trị Công ty cũng đưa ra các chiến lược hoạt động kinh doanh và chiến lược lưu trữ hàng tồn kho thích hợp nhằm thích ứng với sự thay đổi trong kế hoạch sản xuất.

### Tiêu thụ năng lượng và nước

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
<b>Tổng lượng năng lượng tiêu thụ</b>	kwh	4.327.063
<b>Tổng lượng nước sử dụng</b>	m <sup>3</sup>	115.231
<b>Lượng năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến về sử dụng năng lượng hiệu quả</b>	kwh/tháng	76.223
<b>Lượng nước tiết kiệm thông qua các sáng kiến về sử dụng nước hiệu quả</b>	m <sup>3</sup> /ngày	47

Với hoạt động kinh doanh của HCB, năng lượng được sử dụng nhiều trong quá trình sản xuất và vận hành. Tất cả các hoạt động trong chuỗi cung ứng của Công ty đều được xác định các khía cạnh gây ảnh hưởng môi trường: Chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, tài nguyên thiên nhiên, nước thải, ô nhiễm môi trường không khí, bụi, tiếng ồn. Vì vậy, Công ty đã thực hiện một số hoạt động cần thiết với mục đích tiết kiệm năng lượng và bảo vệ được môi trường cụ thể:

- Bảo trì thiết bị thường xuyên và thay mới, nâng cấp khi cần thiết nhằm hạn chế các lỗi về tiêu hao năng lượng ở các thiết bị cũ.
- Tuyên truyền tiết kiệm điện, nước khi sử dụng cho người lao động trong Công ty bằng các phương pháp đào tạo, pano áp phích.



## Tiêu thụ năng lượng và nước

Vấn đề sử dụng nguồn nước luôn là chủ đề đáng quan tâm hiện nay, nguồn nước tự nhiên là một trong những tài nguyên quý giá của môi trường. Nguồn nước sử dụng của Công ty được cung cấp bởi CTCP Cấp nước Đà Nẵng, là đơn vị cung cấp nước sạch trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng. Để có thể sử dụng hợp lý nguồn nước này, tất cả các doanh nghiệp hiện nay đều hoạt động với tiêu chí sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước nhằm bảo vệ môi trường và vì mục tiêu sử dụng nguồn nước lâu dài trong tương lai. HCB cũng không ngoại lệ, Công ty luôn xây dựng kế hoạch sản xuất ưu tiên tiêu chí tiết kiệm hiệu quả nhằm góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường quý giá này.

Hiện nay, nguồn nước Công ty chủ yếu được sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng trong sinh hoạt hàng ngày.

Để có thể sử dụng tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả nguồn nước, Công ty chú trọng đầu tư phát triển một cách khoa học quy trình cung ứng sản phẩm. Đồng thời, Công ty tích cực tuyên truyền chủ trương sử dụng nguồn nước tiết kiệm đến các cán bộ công nhân viên của Công ty, thúc đẩy tinh thần tự giác sử dụng tiết kiệm và nâng cao ý thức về tầm quan trọng của nguồn tài nguyên nước, góp phần bảo vệ môi trường.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

HCB luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại các nhà máy cũng như văn phòng làm việc.

Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ thế, Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, các hoạt động tuyên truyền luôn được thực hiện.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công tác xã hội - từ thiện được Công ty tiếp tục thực hiện tích cực như phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ xây nhà cho gia đình đặc biệt khó khăn, đóng góp Quỹ Vì người nghèo; phòng, chống thiên tai; tấm lòng vàng và các hoạt động xã hội khác. Tổng số tiền Công ty thực hiện công tác xã hội trong năm 2022 với số tiền 450 triệu đồng.

## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh là một hoạt động mới được triển khai bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phát triển xanh của các công ty. Chính sách này được ban hành để định hướng hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam đến lợi ích của môi trường và nâng cao ý thức của các doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ môi trường. HCB đặc biệt quan tâm và cập nhật thông tin mới nhất về hoạt động thị trường vốn xanh, và hiện đang định hướng xây dựng các kế hoạch phát triển xanh nhằm góp phần vào việc bảo vệ môi trường và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.



## Chính sách liên quan đến người lao động

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn Đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian quy định cho người lao động, chi trả bổ sung tiền lương tháng 13 và lương thưởng Tết. Ngoài ra Tổng Công ty chi trả bổ sung tiền lương vào các dịp Lễ Tết Dương lịch, 30/04, 01/05, lễ Quốc Khánh, Quốc tế phụ nữ...

Thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: tham gia đóng 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, tang chế...

### Chính sách đào tạo

HCB luôn xem nhân lực là tài sản quan trọng nhất và để tồn tại và phát triển, công ty cần có nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều này được coi là điều kiện tiên quyết và hàng đầu của công ty. Để bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng cũng như tổ chức kỳ thi để nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên. Bằng cách này, công ty khuyến khích nhân viên phát triển tay nghề và đồng hành cùng công ty trong thời gian dài.

Tháng 06/2022, Công ty cũng đã kết hợp với Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) thành phố Đà Nẵng tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho gần 1.000 đoàn viên, người lao động tại Xí nghiệp may Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (Thuộc Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, có Công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ thành phố). Đây là hoạt động thiết thực nhằm cập nhật kiến thức pháp luật cho đoàn viên, người lao động, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại Công ty.



### Môi trường làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên sẽ được nghỉ theo quy định của Luật lao động trong các dịp lễ, tết. Tùy thuộc vào kế hoạch sản xuất, công ty sẽ sắp xếp cho nhân viên được nghỉ thêm một số ngày.

Nhằm thực hiện đầy đủ và có hiệu quả chính sách chống đe dọa, quấy rối lạm dụng tại nơi làm việc, Công ty ban hành video clip để hướng dẫn chi tiết các nội dung của chính sách, từ đó, giúp nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, góp phần xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, an toàn và tiến tới phát triển bền vững.



### Công tác đoàn thể - xã hội

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, công ty luôn chú trọng đến hoạt động chính trị - xã hội. Đặc biệt, Công đoàn cơ sở Công ty đã phối hợp với chính quyền để tổ chức nhiều chương trình hoạt động nhằm quan tâm đến đời sống của công nhân viên. Chương trình này đảm bảo đủ việc làm và giúp người lao động có thu nhập ổn định, tâm lý an tâm, chắc chắn làm việc lâu dài tại công ty. Năm 2022, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở - Chi đoàn thanh niên Công ty đã tổ chức hoạt động dã ngoại tại Khu du lịch sinh thái Lái Thiêu với chủ đề: "Một điểm đến - Vạn niềm vui" thu hút gần 1.000 đoàn viên, công nhân lao động cùng tham gia.

# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

Sau khi cổ phần hóa vào ngày 29/03/2007, với khẩu hiệu hành động “Công ty chúng ta không lớn nhất song quyết tâm phấn đấu để trở thành một trong những đơn vị có uy tín nhất”, đó là uy tín trong cộng đồng, uy tín với khách hàng, uy tín trong nội bộ công ty. Với phương châm hành động đó, bằng những giải pháp sản xuất tinh gọn và hiệu quả, công ty đã xác lập được niềm tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong suốt hàng chục năm qua.

Năm 2022 là một năm có nhiều biến động và thách thức đối với nền kinh tế nói chung và ngành dệt may nói riêng. Trong 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu dệt may tăng trưởng ấn tượng. Tuy nhiên, giai đoạn 6 tháng cuối năm, tình hình xuất nhập khẩu ngành này giảm mạnh, đơn hàng cũng giảm đáng kể, dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp không có đơn hàng, đứng trước nguy cơ phá sản hoặc giải thể, đồng thời hàng vạn lao động ở nhiều tỉnh thành bị mất việc. Vượt lên những khó khăn chung của ngành, năm vừa qua, HCB vẫn ký kết đủ đơn hàng, đáp ứng nhu cầu sản xuất may mặc của cả năm. Quan trọng nhất là có sự đoàn kết, đóng góp và nỗ lực tích cực của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên nên các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cho năm 2022 của Công ty về cơ bản được hoàn thành tốt và vượt kế hoạch đề ra bởi Đại hội đồng cổ đông.

### Những tiến bộ công ty đã đạt được

Thương hiệu HACHIBA như là địa chỉ đáng tin cậy để nhiều công ty đa quốc gia tìm đến đặt hàng, đặc biệt là khách hàng Decathlon Pháp đã đặt niềm tin vào công ty với sự hợp tác lâu dài. Đối với Xí nghiệp May Trung tại cụm công nghiệp Tây An - Duy Xuyên - Quảng Nam, dù mới ra đời chưa được 5 năm lại gặp phải 2 năm dịch bệnh, song Xí nghiệp may Duy Trung đã vươn lên trong top đầu của Công ty về năng suất, chất lượng và thu nhập của người lao động. Mặc dù hiện nay ngành dệt may chịu nhiều tác động rất lớn về cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, song nhờ chiếm được niềm tin của khách hàng, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư Xí nghiệp Duy Trung giai đoạn 2 theo tiêu chuẩn nhà máy xanh, định hình đến năm 2025 số lao động tại khu vực này sẽ nâng lên 2.000 người.



## Tình hình tài sản

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		TH 2022/ TH2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	468.486.403.207	69,02%	465.826.785.574	72,08%	99,43%
Tài sản dài hạn	210.275.104.497	30,98%	180.446.138.352	27,92%	85,81%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>678.761.507.704</b>	<b>100,00%</b>	<b>646.272.923.926</b>	<b>100,00%</b>	<b>95,21%</b>

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2022 ghi nhận 646,27 tỷ đồng, giảm 4,79% so với năm 2021, chủ yếu là do tài sản dài hạn giảm 14,19%. Nguyên nhân là do Công ty thanh lý các loại máy móc thiết bị của ngành dệt và trích khấu hao hàng năm.

Với giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình hiện chỉ còn khoảng 32,17% so với nguyên giá, đây cũng là thời điểm mà Công ty phải có những định hướng về việc đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại hóa, tự động hóa nhằm bắt kịp xu hướng công nghệ 4.0 hiện tại.

Đơn vị: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	126.217.846.908	78.286.398.346	62,02%
Máy móc, thiết bị	322.287.657.524	63.652.268.461	19,75%
Phương tiện vận tải	42.577.407.846	17.048.434.013	40,04%
Thiết bị văn phòng	10.168.452.555	2.296.208.303	22,58%
TSCĐ hữu hình khác	325.800.000	87.676.861	26,91%
<b>Cộng</b>	<b>501.577.164.833</b>	<b>161.370.985.984</b>	<b>32,17%</b>

Đơn vị: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm Winprot và Office Std	1.127.050.006	-	-
Phần mềm kế toán	1.247.134.800	211.645.523	16,97%
Phần mềm hải quan điện tử	46.800.000	-	0,00%
TSCĐ vô hình khác	3.329.283.220	217.510.646	6,53%
<b>Cộng</b>	<b>5.750.268.026</b>	<b>429.156.169</b>	<b>7,46%</b>

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		TH 2022/ TH2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	494.946.669.649	90,95%	464.851.171.672	92,53%	93,92%
Nợ dài hạn	49.232.336.896	9,05%	37.508.530.789	7,47%	76,19%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>544.179.006.545</b>	<b>100,00%</b>	<b>502.359.702.461</b>	<b>100,00%</b>	<b>92,32%</b>

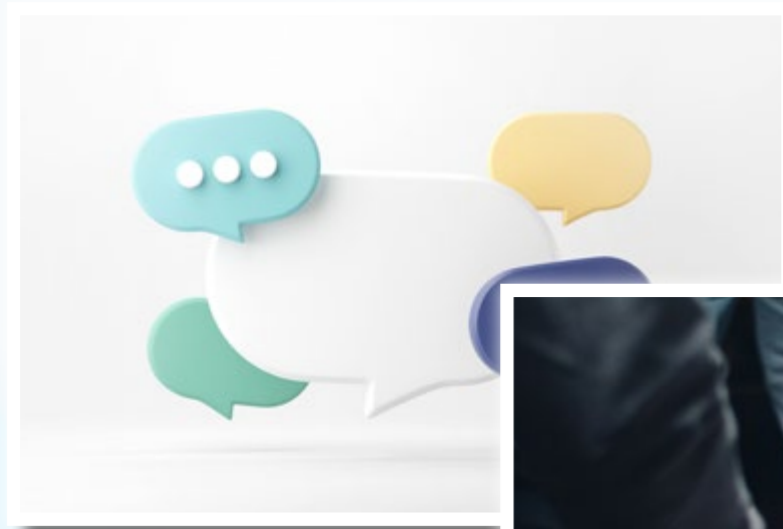
Năm qua, Tổng nợ phải trả của Công ty ghi nhận giảm 7,68%, còn 502,36 tỷ đồng vào cuối năm. Là một doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, nguồn vốn Công ty phần lớn đến từ tài trợ ngắn hạn. Năm 2022 ghi nhận Tài sản ngắn hạn giảm từ 494,95 tỷ đồng hồi đầu năm xuống còn 464,85 tỷ đồng cuối kỳ, tương ứng giảm 6,08%. Nguyên nhân chính đến từ việc các khoản vay ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn giảm trong năm. Phải trả người bán ngắn hạn giảm hơn 23,99 tỷ đồng, ghi nhận vào cuối kỳ là 49,25 tỷ đồng. Vay ngắn hạn giảm 11,43%, xuống còn 291,23 tỷ đồng. Mặc dù, năm 2022, Công ty vẫn có đủ các đơn hàng để sản xuất, tuy nhiên, các đơn hàng cho năm 2023 lại không được như vậy. Qua đó, các khoản mục liên quan đến tín dụng ngắn hạn với phía nhà cung cấp của Công ty ghi nhận giảm vào cuối năm. Bên cạnh đó, tình hình lãi suất gia tăng vào giai đoạn cuối năm cũng khiến Công ty cân nhắc trong việc gia tăng các khoản vay, cả ngắn hạn lẫn dài hạn. Các khoản vay và nợ thuê dài hạn của Công ty cũng ghi nhận giảm mạnh từ 26,10 tỷ đồng xuống còn 13,71 tỷ đồng vào cuối kỳ, qua đó góp phần làm giảm Nợ dài hạn ghi nhận của Công ty.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2022, tuy phải đương đầu với nhiều thách thức từ suy thoái kinh tế toàn cầu cũng như thị trường tiêu thụ của Công ty giảm, Công ty vẫn không những duy trì tốt hoạt động kinh doanh mà còn tiếp tục duy trì các hoạt động phát triển và cải thiện cơ cấu quản lý, cụ thể:

- Khảo sát ý kiến từ nhà phân phối để cải thiện chất lượng dịch vụ và đào tạo nhân viên để nâng cao tính chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với khách hàng.
- Đầu tư vào các hoạt động tiếp thị và đáp ứng nhu cầu của khách hàng mục tiêu nhằm tạo niềm tin cho khách hàng thân thiết và thu hút khách hàng mới.
- Các phòng ban của chúng tôi phối hợp để tìm kiếm xu hướng thị trường và khởi động hoạt động tìm kiếm sản phẩm, nhà cung cấp sản xuất sản phẩm đang được ưa chuộng, thực hiện nhập khẩu, lưu trữ và phân phối kịp thời để đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Theo dõi và điều chỉnh tình trạng lưu thông hàng hóa để có thể thay đổi quy trình kịp thời, nâng cấp quá trình theo dõi hàng tồn kho, theo dõi hạn dùng và hạn chế mức tối đa lượng hàng tiêu hủy.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Năm 2023, dự báo ngành Dệt may tiếp tục gặp nhiều khó khăn như:

- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và xung đột Nga- Ukraine tiếp diễn khó lường, cùng với cấm vận thương mại Nga của EU - Mỹ,... kéo dài làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, gia tăng lạm phát trên toàn cầu, gây suy thoái kinh tế; giá năng lượng, tỷ giá USD, EURO không ổn định và liên tục biến động. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn (Châu Âu, Hoa Kỳ) suy giảm, cạnh tranh đơn hàng ngày càng gay gắt trong khi chi phí sản xuất trong nước tăng...gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất của công ty.
- Các đơn hàng chính của khách hàng giảm mạnh từ 30-40%, công ty phải chuyển sang các đơn hàng thay thế số lượng nhỏ, nhiều chủng loại, giá thấp, công nhân không quen đơn hàng nên năng suất không cao gây ảnh hưởng đến sự ổn định sản xuất và thu nhập của công nhân.
- Lao động lành nghề không tuyển dụng đủ nên ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của các xí nghiệp.

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2022, các đơn hàng đã đàm phán, ký kết với khách hàng và dự đoán nhu cầu thị trường, Ban Điều hành dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023*
1	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	937,93	940
2	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	Triệu USD	80,91	82
3	<b>Tổng đầu tư</b>	Tỷ đồng	15,43	22
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	23,02	23,5
5	<b>Thu nhập bình quân</b>	Triệu đồng/ người/tháng	8,92	8,95
6	<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</b>	%	20%	20%

(\*): Kế hoạch đã được Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị thống nhất đưa ra, và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 sắp tới.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

### Các giải pháp để thực hiện kế hoạch

- Tổ chức duy trì tốt hệ thống quản lý năng suất, kiểm soát số liệu theo thời gian thực tại tất cả các công đoạn để cân bằng sản xuất và kiểm soát tiến độ. Nghiên cứu cải tiến đẩy mạnh năng suất lao động tại các xí nghiệp trong điều kiện đơn hàng nhỏ, giá CM thấp nhằm bảo đảm kế hoạch được giao, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và thu nhập cho người lao động. Tổ chức tốt công tác chuẩn bị sản xuất, chuyển đổi mã hàng, đào tạo kỹ năng, thao tác cho công nhân để thực hiện tốt hơn quy trình chuyển đổi và tăng năng suất lao động.
- Tăng cường quản lý và duy trì tốt kỷ cương, kỷ luật lao động, thời gian, giờ giấc làm việc theo Nội quy lao động và yêu cầu của công nghệ Lean để tăng hiệu quả sử dụng lao động, góp phần tăng năng suất tại các XN.
- Đẩy mạnh công tác sáng kiến, sáng chế theo hệ thống “ý tưởng vàng” của công ty để cải tiến sản xuất, tiết kiệm chi phí và chế độ khen thưởng kịp thời.
- Tăng cường hoạt động chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin để từng bước thực hiện số hóa dữ liệu tại các đơn vị, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu liên kết để phục vụ yêu cầu quản lý sản xuất và nghiệp vụ chuyên môn.
- Đảm bảo cân đối nguồn vốn, dòng tiền để đáp ứng nhu cầu sản xuất, thanh toán nợ tín dụng, thanh toán cho khách hàng và người lao động trong thời điểm cuối năm. Phân tích hoạt động tài chính và đánh giá rủi ro tài chính về vay ngân hàng, công nợ với khách hàng, tài sản tồn kho...nhằm có giải pháp bảo đảm an toàn vốn.
- Thực hiện tốt công tác quyết toán nguyên phụ liệu các đơn hàng nhất là đơn hàng FOB; cân đối quyết toán nhập - xuất - tồn nguyên, phụ liệu với khách hàng và Hải quan theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ tồn kho và có giải pháp xử lý tồn kho kịp thời để thu hồi vốn kinh doanh.
- Đưa vào hoạt động hiệu quả phần mềm quản lý sản xuất Bravo 8 tại các đơn vị để nâng cao năng lực quản lý.
- Duy trì tốt công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, PCCC, khám, chữa bệnh và nâng cao chất lượng ăn ca để đảm bảo sức khỏe cho công nhân.
- Từng bước xây dựng các nhà máy đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh thân thiện với môi trường: tiết kiệm năng lượng điện, nước, giảm phát thải ra môi trường,...để phù hợp với tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường EU và yêu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001-2015, quản lý trách nhiệm xã hội WRAP, tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa C-TPAT và các tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng... để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tổ chức tốt phong trào thi đua lao động sản xuất để hoàn thành kế hoạch SX-KD và các mục tiêu chất lượng, cải tiến sản xuất năm 2023. Động viên, khen thưởng các tập thể, các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 7 trang 23 trong Báo cáo tài chính kiểm toán 2022 của Công ty cổ phần Dệt may 29/3. Trong năm 2022, chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 5, ngập lụt lớn, nhiều hàng hoá trong kho kho bị ướt dẫn đến hư hỏng, mất phẩm chất. Giá trị hàng tồn kho của lô hàng ướt này ước tính gần 35 tỷ đồng và hàng nhận gia công (Công ty chỉ theo dõi số lượng) chưa ước tính giá trị. Đến thời điểm hiện tại các Công ty bảo hiểm vẫn chưa thống nhất giá trị hàng tồn kho của Công ty được bồi thường. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc giá trị hàng tồn hư hỏng, mất phẩm chất này. Do vậy chúng tôi không có cơ sở để đánh giá được khoản tiền công ty được bồi thường là bao nhiêu từ đó xác định ảnh hưởng của việc này đến khoản mục hàng tồn kho, khoản mục lợi nhuận chưa phân phối (nếu có) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 cũng như khoản mục liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của công ty.

### Các giải pháp để thực hiện kế hoạch

Công ty cổ phần Dệt may 29/3 giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán độc lập số 54/BCKT/TC được phát hành bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) ngày 07/03/2023 như sau:

Ngày 14/10/2022 do ảnh hưởng của cơn bão số 5 tại thành phố Đà Nẵng bị ngập lụt lớn làm cho hàng hóa tại các kho của công ty bị ảnh hưởng như hư hỏng, mất phẩm chất.

Công ty đã ký hợp đồng mua bảo hiểm toàn bộ hàng hóa tại các kho của công ty với các hợp đồng sau:

- Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ và mở rộng mọi rủi ro tài sản số DAN.D16.PD.22.HD.062 (IJ: 5969366) đã ký ngày 22/09/2022 giữa Công ty CP Dệt may 29/3 và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - Công ty Bảo Việt Đà Nẵng với tổng số tiền bảo hiểm 402.604.123.637đ, trong đó hàng hóa 227.700.000.000đ. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 24/09/2022 đến ngày 23/09/2023.
- Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và mở rộng các rủi ro đặc biệt số hợp đồng: 1926/22/HD-1063/07-NV1 đã ký ngày 20/09/2022 giữa Công ty CP Dệt may 29/3 và Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đà Nẵng với tổng số tiền bảo hiểm hàng hóa là 40.100.000.000đ. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 22/09/2022 đến ngày 22/09/2023.

Từ khi xảy ra sự cố, Công ty đã phối hợp với các công ty bảo hiểm để đánh giá, xác định số lượng và chất lượng hàng hóa bị tổn thất. Tuy nhiên hàng hóa bị tổn thất với số lượng lớn và bao gồm nhiều chủng loại cho nên tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa Công ty và các đơn vị bảo hiểm vẫn chưa thống nhất giá trị bồi thường tổn thất cuối cùng đối với hàng hóa bị thiệt hại. Vì vậy, hàng hóa tồn kho vẫn đang được ghi nhận trên sổ kế toán theo giá gốc giá trị hàng tồn hư hỏng, mất phẩm chất.

Công ty sẽ ghi nhận đúng giá trị hàng tồn kho hư hỏng, mất phẩm chất này khi đã được thống nhất giá trị bồi thường với các công ty bảo hiểm.

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

HCB luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường. Công tác bảo vệ môi trường không chỉ là hoạt động kinh doanh của Công ty để mang lại lợi nhuận, mà còn là trách nhiệm của từng cá nhân đối với môi trường và xã hội. Ban lãnh đạo thường tiến hành các cuộc họp để thảo luận về công tác bảo vệ môi trường, đề xuất những giải pháp để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên nước và năng lượng. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức phân loại chất thải tại khu vực văn phòng, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho từng nhân viên và người thân, giữ gìn mỹ quan tại nơi làm việc và nơi sinh sống.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhân tài là nguồn năng lực cốt lõi của Công ty HCB. Do đó, Công ty luôn đặt con người lên hàng đầu và tạo ra một môi trường làm việc sạch sẽ, trang thiết bị đầy đủ để đảm bảo nhân viên làm việc thoải mái.

Công ty cũng tạo điều kiện cho nhân viên thể hiện tài năng, tham gia các cuộc thi sáng tạo, và phát huy tối đa khả năng của mình trong công việc.

Hằng năm, Công ty cố gắng tăng thu nhập cho nhân viên, đồng thời xây dựng lòng trung thành và gắn bó lâu dài, thu hút nhân tài để đem lại lợi ích cho sự phát triển bền vững của Công ty.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty cam kết tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của pháp luật và địa phương. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, HCB còn chú trọng đến việc cải thiện chất lượng dịch vụ và triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng, phân loại rác tại văn phòng công ty. Hơn nữa, HCB tổ chức đào tạo và hướng dẫn để nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Công ty đảm bảo nhân viên ở các bộ phận được hiểu rõ về chính sách, mục tiêu chất lượng môi trường của công ty và mục tiêu chất lượng của bộ phận mình.



# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Dù trong điều kiện đơn hàng giảm sút nghiêm trọng, giá bán giảm, lãi suất ngân hàng gia tăng trong 6 tháng cuối năm, song công ty vẫn nỗ lực bảo đảm việc làm và thu nhập cho công nhân, bảo đảm quyền lợi của cổ đông và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà Nước. Dưới sự điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy quản lý, tập thể CBCNV đã đoàn kết khắc phục khó khăn, thi đua lao động sản xuất, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH2022/ KH2022	TH2022/ TH2021
<b>Doanh thu thuần</b>	840.978.013.335	865.000.000.000	937.926.894.387	108,43%	111,53%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	15.104.435.657	20.000.000.000	23.017.714.721	115,09%	152,39%



### Đánh giá công tác đầu tư phát triển

**Kế hoạch của ĐHĐCĐ:** 21,9 tỷ đồng

**Thực hiện năm 2022:** 15,4 tỷ đồng

Trong năm 2022, việc đầu tư đưa vào hoạt động 2 máy cắt tự động, 4 máy trải vải cho các xí nghiệp từ tháng 09/2022 đã giúp năng suất và chất lượng tại các xí nghiệp này được nâng cao rõ rệt.

Bên cạnh đó, trong năm công ty cũng đã cải tạo cơ sở vật chất tại Xí nghiệp may Duy Trung 2 và bổ sung 3 chuyền may từ tháng 05/2022. Qua đó, công suất thực hiện tại Xí nghiệp đã được gia tăng đáng kể.

Dự án đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn II tại Cụm công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam bị chậm tiến độ do dịch Covid-19. Qua đó, HĐQT cũng đã điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án từ tháng 07/2023 đến tháng 11/2024 để đưa toàn bộ dự án vào hoạt động một cách tốt nhất.

### Đánh giá Về thực hiện chính sách với người lao động

Năm qua, Công ty đã thực hiện việc đóng các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ cho tất cả CB-CNLĐ làm việc tại Công ty. Trạm Y tế Công ty duy trì khám chữa bệnh ban đầu theo thẻ bảo hiểm y tế, góp phần chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người lao động. Công ty chăm lo chu đáo bữa ăn ca tại chỗ cho người lao động với chất lượng ngày càng được cải thiện, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Công ty thường xuyên tặng quà cho người lao động vào các ngày lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, sinh nhật của người lao động; phụ cấp cho nữ công nhân đang nuôi con nhỏ. Người lao động có hoàn cảnh khó khăn do ốm đau đột xuất, tai nạn,... luôn được Công ty hỗ trợ kịp thời.

Vào dịp cuối năm 2022 và đón Tết Quý Mão 2022, Công ty đã tặng thưởng lương tháng 13 cho người lao động, với mức bình quân gần 09 triệu đồng/người. Công ty đã sắp xếp nghỉ sản xuất tổng cộng 11 ngày liên tục để những công nhân ở xa có điều kiện về quê ăn Tết, đoàn tụ cùng với gia đình.

### Đánh giá Công tác đoàn thể, xã hội

Song song với nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, hoạt động đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty luôn được chú trọng. Đặc biệt, Công đoàn cơ sở Công ty đã có nhiều chương trình hoạt động phối hợp với chính quyền quan tâm đến đời sống công nhân lao động, đảm bảo đủ việc làm và giúp người lao động ổn định thu nhập, an tâm tư tưởng làm việc lâu dài tại Công ty.

Năm 2022, Đảng bộ Công ty được Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng khen thưởng là cơ sở đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu". Cả 03 đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh trong Công ty năm qua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và được cấp trên khen thưởng.

Công ty tiếp tục thực hiện công tác xã hội và từ thiện một cách tích cực trong năm 2022, bao gồm việc phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng nhà cho các gia đình đặc biệt khó khăn, đóng góp vào Quỹ Vì người nghèo, phòng chống thiên tai, và tham gia các hoạt động xã hội khác. Tổng số tiền mà công ty đã đóng góp cho công tác xã hội trong năm 2022 là 450 triệu đồng, một con số đáng kể chứng tỏ sự cam kết của công ty với việc đóng góp vào cộng đồng và giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



- Tổng giám đốc điều hành công ty dưới sự theo sát của Hội đồng quản trị, đặc biệt là sự thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra của Chủ tịch HĐQT công ty đối với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành của công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo hoặc trực tiếp chỉ đạo.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành bám sát các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông giao để hoàn thành và phấn đấu thực hiện vượt các chỉ tiêu.
- Trong năm 2022, HĐQT đã có 6 cuộc họp nhằm theo dõi, đánh giá kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, triển khai phương hướng hoạt động của các quý tiếp theo. Đồng thời đưa ra những kế hoạch dài hạn cũng như những mục tiêu tương lai của Công ty để Tổng giám đốc có bước chuẩn bị và thực hiện

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2023

Qua thẩm định dự thảo phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2023 của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thống nhất một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023*
1	Tổng doanh thu	940 tỷ đồng
2	Tổng đầu tư	22 tỷ đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	23,5 tỷ đồng
4	Thu nhập bình quân	8,95 triệu đồng/người/tháng
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	20%

(\*): Kế hoạch sẽ được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2023 sắp tới.



### Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2023

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty định hướng chỉ đạo Ban điều hành bám sát các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông giao để phấn đấu thực hiện qua một số giải pháp chính như sau:

- Tiếp tục duy trì các đơn hàng truyền thống và tìm kiếm, lựa chọn khách hàng mới để ổn định sản xuất, nâng cao giá trị thương mại và hiệu quả đầu tư nhất là đối với dòng sản phẩm veston khi thị trường hồi phục.
- Nâng cao uy tín thương hiệu qua chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng, duy trì tốt hệ thống quản lý hiện có và phát triển dòng sản phẩm có thương hiệu lớn để ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm cho công nhân.
- Chuẩn bị nguồn lực để triển khai thực hiện dự án đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn II vào năm 2023-2024.
- Về tài chính, cần tiếp tục khai thác các nguồn vốn có lãi suất thấp để đầu tư phát triển sản xuất và cân đối tốt dòng tiền để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong kinh doanh.
- Xây dựng lộ trình đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh vào năm 2025 phù hợp yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Xây dựng phương án cải tạo lại mặt bằng nhà xưởng, nhà kho của lĩnh vực dệt để chuyển đổi chức năng sang sản xuất may mặc và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại để phát triển sản xuất trong thời gian tới.
- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất, áp dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng SP, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác chuyển đổi số tại Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 27/02/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	<b>Ông Huỳnh Văn Chính</b>	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	504.629	9,71%
2	<b>Ông Nguyễn Đình Trường</b>	Phó Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	308.000	5,92%
3	<b>Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt</b>	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Đại diện pháp luật)	552.500	10,63%
4	<b>Ông Lâm Trọng Lương</b>	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	499.231	9,60%
5	<b>Ông Nguyễn Xuân Tùng</b>	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	378.750	7,28%

### Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

#### Ông Huỳnh Văn Chính

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 06/05/1941  
 Nguyên quán : Quảng Nam  
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp Quản lý Kinh tế  
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không

Thời gian	Đơn vị công tác
1976 - 1978	Chủ nhiệm tổ hợp Dệt may 29/3
1979 - 1981	Phó giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3
1982 - 04/1984	Giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3
05/1984 - 03/2007	Giám đốc nhà máy Dệt 29/3 (nay là Công ty CP Dệt May 29/3)
1995 - 2005	Phó chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam
2002 - 2007	Đại biểu Quốc Hội khóa XI
04/2007 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dệt may 29/3

#### Ông Nguyễn Đình Trường

Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 13/03/1948  
 Nguyên quán : Hà Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp TP. HCM  
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến

Thời gian	Đơn vị công tác
08/1965 - 04/1970	Công nhân bưu điện tại Hà Nội
05/1970 - 12/1988	Thiếu tá, Trưởng ban tổ chức động viên Cục kỹ thuật Quân khu 07
01/1989 - 03/1991	Cán bộ phòng kinh doanh Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing
04/1991 - 12/1994	Phó giám đốc cửa hàng HTKD Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing
01/1995 - 09/1995	Giám đốc chi nhánh Công ty may Việt Tiến tại Hà Nội
10/1995 - 02/1997	Giám đốc điều hành Công ty may Việt Tiến
03/1997 - 01/2002	Phó tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến
02/2002 - 12/2007	Tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến
01/2008 - nay	Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến
03/2008 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3

#### Ông Lâm Trọng Lương

Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 19/06/1959  
 Nguyên quán : Quảng Đông (Trung Quốc)  
 Trình độ chuyên môn : Kinh doanh máy may công nghiệp  
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing

Thời gian	Đơn vị công tác
1979 - 1988	Nhân viên Tổ hợp sản xuất xà bông
1989 - 1990	Giám đốc văn phòng đại diện Công ty Golden Deside Hong Kong
1991 - nay	Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing; Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3
03/2008 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

#### Ông Nguyễn Xuân Tùng Thành viên HĐQT

Ngày sinh	: 08/08/1985
Nguyên quán	: Quảng Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không

Thời gian	Đơn vị công tác
2010 - 2011	Nhân viên Công ty CP chứng khoán Dầu khí Đà Nẵng
2011 - 2014	Nhân viên Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
2017 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Dệt may 29/3

(\*): Sơ yếu lý lịch của Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt đã trình bày ở phần Lý lịch Ban Điều hành

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty cổ phần Dệt May 29/3 chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty hiện không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và tình hình thực tế của Công ty, năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Trong quá trình hoạt động Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, được tiến hành hàng quý. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Các thành viên chủ chốt của Ban điều hành và Ban kiểm soát được mời tham dự tại các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

#### Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự
1	<b>Ông Huỳnh Văn Chính</b>	Chủ tịch HĐQT	6/6
2	<b>Ông Nguyễn Đình Trường</b>	Phó Chủ tịch HĐQT	6/6
3	<b>Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt</b>	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	6/6
4	<b>Ông Lâm Trọng Lương</b>	Thành viên HĐQT	6/6
5	<b>Ông Nguyễn Xuân Tùng</b>	Thành viên HĐQT	6/6



#### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	14/01/2022	1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022. 2. Thống nhất tỷ lệ cổ tức năm 2021 là 15%/cổ phiếu, thanh toán bằng tiền mặt. 3. Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2022 vào ngày 29/03/2022.
2	01a/NQ-HĐQT	14/01/2022	Kế hoạch chấm dứt hoạt động của xí nghiệp dệt vào năm 2023.
3	01a/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Khen thưởng cho đơn vị trực thuộc công ty.
4	02/NQ-HĐQT	08/02/2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 29/03/2022.
5	03/NQ-HĐQT	25/02/2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 21/04/2022.
6	01/QĐ-HĐQT	25/02/2022	Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn II.
7	04/NQ-HĐQT	31/03/2022	1. Thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. 2. Phê duyệt danh sách các đơn vị có liên quan thành viên HĐQT được chấp thuận ký các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất.
8	05/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông báo ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức 2021 bằng tiền.
9	02/QĐ-HĐQT	21/04/2022	Bổ nhiệm lại chức danh Tổng giám đốc công ty.
10	03/QĐ-HĐQT	21/04/2022	Bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc công ty.
11	04/QĐ-HĐQT	21/04/2022	Bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng công ty.
12	06/NQ-HĐQT	29/07/2022	Vay vốn Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng thực hiện Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm may mặc.
13	07/NQ-HĐQT	07/11/2022	1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2022; 2. Tập trung mọi nỗ lực khắc phục thiệt hại do trận lụt lịch sử ngày 14/10 3. Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; 4. Thống nhất thông qua Quy chế công bố thông tin của công ty; 5. Thống nhất bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Ngọc Quý Thư ký HĐQT kiêm nhiệm Người phụ trách quản trị công ty; 6. Thống nhất chủ trương góp vốn thành lập Công ty TNHH March 29-UK.

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Tính tại ngày 27/02/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	<b>Bà Lê Thị Hải Châu</b>	Trưởng BKS	26.000	0,50%
2	<b>Bà Lê Thị Thúy Lan</b>	Thành viên BKS	8.422	0,16%
3	<b>Bà Trương Thị Khánh Hiền</b>	Thành viên BKS	209.321	4,03%

### Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát

#### Bà Lê Thị Hải Châu

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: : 01/03/1969  
 Nguyên quán: : Hà Tĩnh  
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán  
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: : Không

Thời gian	Đơn vị công tác
08/1989 - 09/1996	Nhân viên thống kê phân xưởng Công ty Dệt May 29/3
10/1996 - 03/2007	Nhân viên phòng tổ chức Công ty Dệt May 29/3
04/2007 - nay	Nhân viên phòng tổng hợp; Chủ tịch công đoàn Công ty; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dệt May 29/3.

#### Bà Lê Thị Thúy Lan

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: : 17/04/1956  
 Nguyên quán: : Tiền Giang  
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán  
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: : Không

Thời gian	Đơn vị công tác
07/1980 - 04/2012	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP Dệt May 29/3
04/2012 - nay	Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3

#### Bà Trương Thị Khánh Hiền

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: : 08/12/1983  
 Nguyên quán: : Đà Nẵng  
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Anh văn và Trung cấp Kế toán  
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: : Không

Thời gian	Đơn vị công tác
01/2008 - 04/2021	Nhân viên kinh doanh Công ty CP Dệt may 29/3
04/2022 - nay	Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3



## BAN KIỂM SOÁT

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

#### Các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	5/5	
2	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	5/5	
3	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	4/5	Bổ nhiệm ngày 21/04/2022
4	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	1/5	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022

#### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ; các Nghị quyết hợp của HĐQT, các quy chế, quy định do HĐQT ban hành.
- Tham mưu cho HĐQT và Ban điều hành công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và quy chế công ty.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của công ty năm 2022.

#### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty luôn tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình.
- Trong các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp của Công ty, BKS đều được tham dự để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD cũng như sự điều hành quản trị của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>				
1	<b>Ông Huỳnh Văn Chính</b>	Chủ tịch HĐQT	416.535.000	362.210.000
2	<b>Ông Nguyễn Đình Trường</b>	Phó chủ tịch HĐQT	291.576.000	253.550.000
3	<b>Ông Lâm Trọng Lương</b>	Ủy viên HĐQT	208.263.000	181.100.000
4	<b>Ông Nguyễn Xuân Tùng</b>	Ủy viên HĐQT	208.263.000	181.100.000
5	<b>Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt</b>	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.415.336.800	1.261.630.700
6	<b>Ông Trần Xuân Hòe</b>	Phó Tổng Giám đốc	638.636.400	561.576.000
<b>II. Ban Kiểm soát</b>				
1	<b>Bà Lê Thị Hải Châu</b>	Trưởng BKS	382.154.600	330.217.100
2	<b>Bà Lê Thị Thúy Lan</b>	Thành viên BKS	62.470.000	54.340.000
3	<b>Bà Trương Thị Khánh Hiền</b>	Thành viên BKS	154.584.000	-
4	<b>Bà Nguyễn Thị Phương Lan</b>	Thành viên BKS	146.738.100	168.538.300

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có



### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy Chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Hợp đồng giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến M&S VTEC SHIPPING LTD	Tổ chức có liên quan Người nội Bộ (Ông Nguyễn Đình Trường)	0300401524	63 Xuân Hồng, P. 12, Q. Tân Bình, Hồ Chí Minh	Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa logistic.	3.616.160.207
2	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	Tổ chức có liên quan Người nội bộ (Ông Nguyễn Đình Trường)	0300401524-022	102 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Hợp đồng cung cấp MMTB, phụ tùng may mặc.	369.501.000

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
**đã được kiểm toán**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 43

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 tiền thân là Công ty Dệt may 29/3, được cổ phần hóa theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001358 (số mới 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Bán buôn và bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

Trụ sở của công ty đặt tại 60 Mẹ Nhu – P. Thanh Khê Tây – Q. Thanh Khê – Tp. Đà Nẵng.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên
Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên	Đến ngày 21/04/2022
Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên	Từ ngày 21/04/2022
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc
-------------------------	---------------

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 43, và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Phạm Thị Xuân Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2023



Số : 54/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dệt may 29/3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dệt may 29/3, được lập ngày 06/03/2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 7 trang 23. Trong năm 2022, do chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 5 gây ngập lụt lớn, nhiều hàng hoá trong kho của công ty bị ướt dẫn đến hư hỏng, mất phẩm chất. Giá trị hàng tồn kho của lô hàng ướt này ước tính gần 35 tỷ đồng và hàng nhận gia công (Công ty chỉ theo dõi số lượng) chưa ước tính trị giá trị và công ty hiện vẫn đang ghi nhận trên sổ kế toán theo giá gốc giá trị hàng tồn kho hư hỏng, mất phẩm chất này. Đến thời điểm hiện tại công ty và đơn vị bảo hiểm vẫn chưa thống nhất giá trị bồi thường của hàng tồn kho bị thiệt hại. Do vậy chúng tôi không có cơ sở để đánh giá được khoản tiền công ty được bồi thường là bao nhiêu từ đó xác định ảnh hưởng của việc này đến khoản mục hàng tồn kho, khoản mục lợi nhuận chưa phân phối (nếu có) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 cũng như các khoản mục liên quan đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dệt may 29/3 tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 0070/2022/BCTC-KTV lập ngày 21/03/2022 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**  
**Phó Giám đốc**



**Lê Hồng Đào**

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Chí Thanh**

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2819-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>465.826.785.574</b>	<b>468.486.403.207</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>35.864.381.153</b>	<b>7.019.802.976</b>
1. Tiền	111		25.371.466.746	7.019.802.976
2. Các khoản tương đương tiền			10.492.914.407	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>44.999.305.857</b>	<b>45.985.480.593</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	44.999.305.857	45.985.480.593
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106.576.114.595</b>	<b>139.820.795.065</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114.917.375.268	143.155.123.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.525.892.272	3.612.133.533
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	905.669.082	548.248.662
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.772.822.027)	(7.494.710.663)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>245.697.364.790</b>	<b>256.207.814.484</b>
1. Hàng tồn kho	141		251.349.268.964	256.207.814.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.651.904.174)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.689.619.179</b>	<b>19.452.510.089</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.156.029.060	938.810.468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.497.128.614	17.342.940.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	36.461.505	1.170.758.680
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>180.446.138.352</b>	<b>210.275.104.497</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>161.800.142.153</b>	<b>190.873.557.454</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	161.370.985.984	188.715.804.009
- Nguyên giá	222		501.577.164.833	499.811.111.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(340.206.178.849)	(311.095.307.529)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	429.156.169	2.157.753.445
- Nguyên giá	228		5.750.268.026	7.156.173.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.321.111.857)	(4.998.420.181)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.490.780.986</b>	<b>12.294.399.078</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	13.490.780.986	12.294.399.078

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.000.000.000	1.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.155.215.213</b>	<b>5.607.147.965</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.155.215.213	5.607.147.965
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>646.272.923.926</b>	<b>678.761.507.704</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>502.359.702.461</b>	<b>544.179.006.545</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>464.851.171.672</b>	<b>494.946.669.649</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	49.251.385.403	73.241.632.632
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.443.824.994	83.375.470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.363.951.784	2.014.319.462
4. Phải trả người lao động	314		98.145.002.852	64.898.273.709
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.653.497.664	4.902.533.902
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	321.900.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	18.416.933.555	20.394.506.791
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	291.227.733.230	328.804.258.519
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		348.842.190	285.869.164
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.508.530.789</b>	<b>49.232.336.896</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	23.730.000.000	22.920.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	13.713.625.243	26.099.916.693
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	64.905.546	212.420.203
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>143.913.221.465</b>	<b>134.582.501.159</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>143.913.221.465</b>	<b>134.582.501.159</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.992.740.000	51.992.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.992.740.000	51.992.740.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.939.243.713	16.939.243.713
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		52.969.315.346	49.650.374.310
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.011.922.406	16.000.143.136
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.469.663.743	4.507.768.929
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.542.258.663	11.492.374.207
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>646.272.923.926</b>	<b>678.761.507.704</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Cẩm Nhung

Nguyễn Thị Kim Liên

Phạm Thị Xuân Nguyệt

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2023.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>937.926.894.387</b>	<b>841.046.826.270</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	68.812.935
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>937.926.894.387</b>	<b>840.978.013.335</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.2	<b>831.126.473.535</b>	<b>756.786.821.225</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>106.800.420.852</b>	<b>84.191.192.110</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.363.061.682	13.548.007.997
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	36.612.415.993	24.574.203.923
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.243.555.397	17.817.425.765
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.411.756.610	9.906.746.264
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	62.836.010.960	54.682.700.787
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.303.298.971</b>	<b>8.575.549.133</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.892.005.366	6.686.833.076
12. Chi phí khác	32	VI.8	177.589.616	157.946.552
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>5.714.415.750</b>	<b>6.528.886.524</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>23.017.714.721</b>	<b>15.104.435.657</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.782.970.715	2.899.298.924
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(147.514.657)	(87.237.474)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>19.382.258.663</b>	<b>12.292.374.207</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.094	1.962
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	3.094	1.962

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Cẩm Nhung

Nguyễn Thị Kim Liên

Phạm Thị Xuân Nguyệt

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.017.714.721	15.104.435.657
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		33.747.798.950	36.874.152.274
- Các khoản dự phòng	03		14.930.015.538	7.310.851.077
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.344.047.148)	2.834.109.824
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.795.572.450)	(2.357.650.749)
- Chi phí lãi vay	06		17.243.555.397	17.817.425.765
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78.799.465.008	77.583.323.848
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.893.891.530	(11.324.923.495)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.858.545.520	3.387.096.021
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.135.534.903	59.982.731.959
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.234.714.160	817.860.998
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.802.816.664)	(18.205.512.649)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.158.942.700)	(2.038.650.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.189.654.331)	(5.944.999.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		80.770.737.426	104.256.927.682
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.495.722.120)	(9.797.755.042)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.060.098.018	794.243.900
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.109.690.865)	(22.350.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.872.878.217	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		514.817.163	77.652.756
<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư</b>	30		3.842.380.413	(21.275.858.386)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		860.440.715.034	782.868.547.828
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(908.411.879.347)	(882.486.821.618)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.793.199.442)	(5.201.154.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(55.764.363.755)	(104.819.427.840)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		28.848.754.084	(21.838.358.544)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		7.019.802.976	28.859.441.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.175.907)	(1.279.986)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70		35.864.381.153	7.019.802.976

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Cẩm Nhung

Nguyễn Thị Kim Liên

Phạm Thị Xuân Nguyệt

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2023





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Dệt may 29/3, được cổ phần hóa theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001358 (số mới là 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018.

Trụ sở của công ty đặt tại 60 Mẹ Nhu – P. Thanh Khê Tây – Q. Thanh Khê – Tp. Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.329 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.408 người).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Bán buôn và bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có một đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 - Xí nghiệp may Duy Trung. Mã số chi nhánh: 0400100457-007. Địa chỉ tại: Cụm Công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 30 năm
- Thiết bị văn phòng	05 – 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 – 10 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán/phần máy tính và tài sản cố định vô hình khác.

**7. Chi phí xây dựng cơ bản**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí bao bì, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

**17. Lãi trên cổ phần**

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

**18. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	524.890.457	153.406
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.846.576.289	7.019.649.570
Các khoản tương đương tiền	10.492.914.407	-
<b>Cộng</b>	<b>35.864.371.153</b>	<b>7.019.802.976</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>44.999.305.857</b>	<b>44.999.305.857</b>	<b>45.985.480.593</b>	<b>45.985.480.593</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	44.999.305.857	44.999.305.857	45.985.480.593	45.985.480.593
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>45.999.305.857</b>	<b>45.999.305.857</b>	<b>47.484.480.593</b>	<b>47.485.480.593</b>

(\*) Toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 44.999.305.857 đồng đang được đảm bảo cho khoản các vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt.

(\*\*) Công ty mua 100 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu kỳ hạn 10 năm do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,08%/năm.

**3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty May Sportteam Corporation	-	8.658.144.929
ASOS.com Limited	5.878.375.131	15.127.254.906
Aurora Investments Global Limited	-	7.481.774.262
Bagir Group Ltd	58.906.713.607	58.194.073.639
Desipro Pte., Ltd	11.237.937.596	28.009.264.745
Galtex International Limited	12.077.525.596	17.794.464.237
Central Mercury Investment Corp	13.624.095.661	-
Công ty CP Đầu tư Dệt may Thiên An Phát	7.162.245.323	-
Phải thu khách hàng khác	6.030.482.354	7.890.146.815
<b>Cộng</b>	<b>114.917.375.268</b>	<b>143.155.123.533</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Hangzhou Sanyue Textile Co., Ltd	65.243.373	940.307.829
Công ty Cổ phần mềm Bravo	-	368.000.000
Điện lực Thanh Khê	10.801.533	537.638.335
Công ty CP Dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	2.371.600.284	-
Carreman Interational	2.768.357.084	-
Các đối tượng khác	2.309.889.998	1.766.187.369
<b>Cộng</b>	<b>7.525.892.272</b>	<b>3.612.133.533</b>

## 5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	425.318.880	231.412.317
Galtex International Limited	249.332.040	10.368.613
Tạm ứng	165.600.000	125.600.000
Ký cược, ký quỹ	409.981	409.981
Các khoản phải thu khác	65.008.181	190.826.364
<b>Cộng</b>	<b>905.669.082</b>	<b>548.248.662</b>

## 6. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Bagir Group Ltd	58.194.073.639	16.497.475.535	58.194.073.639	7.110.816.797
Các đối tượng khác	275.346.492	275.346.492	612.504.703	383.893.866
<b>Cộng</b>	<b>58.469.420.131</b>	<b>16.772.822.027</b>	<b>58.806.578.342</b>	<b>7.494.710.663</b>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	902.935.204	-	2.754.863.759	-
Nguyên liệu, vật liệu	102.971.015.327	-	119.636.858.405	-
Công cụ, dụng cụ	1.720.951.549	-	2.182.738.620	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.109.832.307	-	47.270.067.507	-
Thành phẩm	95.543.217.634	5.651.906.174	84.263.961.850	-
Hàng hóa	101.316.943	-	99.324.343	-
<b>Cộng</b>	<b>251.349.268.964</b>	<b>5.651.906.174</b>	<b>256.207.814.484</b>	<b>-</b>

Ngày 14/10/2022, chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 5, đã gây ra ngập lụt lớn ở Đà Nẵng nên các kho hàng tại địa chỉ 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng của công ty bị ướt, nhiều hàng tồn kho bị hư hỏng, mất phẩm chất trong đó hàng hóa của công ty ước khoảng 35 tỷ đồng và hàng nhận gia công (Công ty chỉ theo dõi số lượng) chưa ước tính giá trị. Đến thời điểm hiện tại các Công ty bảo hiểm vẫn chưa thống nhất giá trị hàng tồn kho của Công ty được bồi thường. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc giá trị hàng tồn hư hỏng, mất phẩm chất này. Công ty đã mua bảo hiểm hàng hóa với tổng giá trị là 297,8 tỷ đồng trong đó ở Đà Nẵng là 267,8 tỷ đồng.

## 8. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.156.029.060</b>	<b>938.810.468</b>
Phí bảo hiểm tài sản	748.516.996	650.223.991
Công cụ dụng cụ	254.781.362	167.538.005
Các chi phí khác	152.730.702	121.048.472
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.155.215.213</b>	<b>5.607.147.965</b>
Chi phí sửa chữa	1.236.052.502	1.618.381.745
Công cụ dụng cụ	2.802.856.696	3.879.631.197
Các chi phí khác	116.306.015	109.135.023
<b>Cộng</b>	<b>5.311.244.273</b>	<b>6.545.958.433</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	126.216.553.463	320.573.302.219	42.577.407.846	10.118.048.010	325.800.000	499.811.111.538
Số tăng trong năm	1.392.453.531	11.226.047.483	-	50.404.545	-	12.668.905.559
- <i>Mua trong năm</i>	-	8.460.948.574	-	-	-	8.460.948.574
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	1.392.453.531	-	-	-	-	1.392.453.531
- <i>Tặng khác</i>	-	2.765.098.909	-	50.404.545	-	2.815.503.454
Số giảm trong năm	1.391.160.086	9.511.692.178	-	-	-	10.902.852.264
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	1.391.160.086	9.511.692.178	-	-	-	10.902.852.264
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>126.217.846.908</b>	<b>322.287.657.524</b>	<b>42.577.407.846</b>	<b>10.168.452.555</b>	<b>325.800.000</b>	<b>501.577.164.833</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.533.467.591	237.537.670.032	22.714.866.413	7.108.160.358	201.143.135	311.095.307.529
Số tăng trong năm	4.905.835.398	24.904.100.558	2.814.107.420	764.083.894	36.980.004	33.425.107.274
- <i>Khấu hao trong năm</i>	4.905.835.398	24.904.100.558	2.814.107.420	764.083.894	36.980.004	33.425.107.274
Số giảm trong năm	507.854.427	3.806.381.527	-	-	-	4.314.235.954
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	507.854.427	3.806.381.527	-	-	-	4.314.235.954
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>47.931.448.562</b>	<b>258.635.389.063</b>	<b>25.528.973.833</b>	<b>7.872.244.252</b>	<b>238.123.139</b>	<b>340.206.178.849</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	82.683.085.872	83.035.632.187	19.862.541.433	3.009.887.652	124.656.865	188.715.804.009
Tại ngày cuối năm	78.286.398.346	63.652.268.461	17.048.434.013	2.296.208.303	87.676.861	161.370.985.984

- Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: 95.860.945.663 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết còn sử dụng: 142.902.819.973 đồng.

## CÔNG TY CP DỆT MAY 29/3

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng nhà, đất	Phần mềm Winprot và Office Std	Phần mềm kế toán	Phần mềm hải quan điện tử	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.656.255.600	1.127.050.006	996.784.800	46.800.000	3.329.283.220	7.156.173.626
Số tăng trong năm	-	-	250.350.000	-	-	250.350.000
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	250.350.000	-	-	250.350.000
Số giảm trong năm	1.656.255.600	-	-	-	-	1.656.255.600
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	1.656.255.600	-	-	-	-	1.656.255.600
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.127.050.006</b>	<b>1.247.134.800</b>	<b>46.800.000</b>	<b>3.329.283.220</b>	<b>5.750.268.026</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	944.168.314	973.970.701	46.800.000	3.033.481.166	4.998.420.181
Số tăng trong năm	-	182.881.692	61.518.576	-	78.291.408	322.691.676
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	182.881.692	61.518.576	-	78.291.408	322.691.676
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.127.050.006</b>	<b>1.035.489.277</b>	<b>46.800.000</b>	<b>3.111.772.574</b>	<b>5.321.111.857</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.656.255.600	182.881.692	22.814.099	-	295.802.054	2.157.753.445
Tại ngày cuối năm	-	-	211.645.523	-	217.510.646	429.156.169

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết còn sử dụng: 5.116.385.964 đồng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhà xưởng và tài sản trên đất của Xí nghiệp may Duy Trung – Giai đoạn 2	12.202.780.986	11.137.757.078
Phần mềm kế toán Bravo	1.288.000.000	920.000.000
Phí lắp đặt hệ thống LCD	-	236.642.000
<b>Cộng</b>	<b>13.490.780.986</b>	<b>12.294.399.078</b>

## 12. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Dệt Liên Châu	1.143.993.197	1.143.993.197	1.267.835.157	1.267.835.157
Công ty TNHH Mainetti	1.315.244.443	1.315.244.443	2.082.455.100	2.082.455.100
Công ty TNHH Phụ liệu Phú Cường	2.327.420.895	2.327.420.895	3.102.940.836	3.102.940.836
Công ty TNHH YKK Việt Nam	10.355.913.843	10.355.913.843	23.272.516.358	23.272.516.358
Jiangyin Blossom Textiles Co., Ltd	2.740.641.026	2.740.651.026	3.786.235.020	3.786.235.020
Saam Textiles Private	1.520.836.479	1.520.836.479	990.560.686	990.560.686
Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.450.538.964	1.450.538.964	-	-
Công ty TNHH MTV Văn Trung Nguyễn	1.260.395.100	1.260.395.100	783.407.900	783.407.900
Công ty TNHH Ánh Ngân	1.045.998.836	1.045.998.836	696.581.531	696.581.531
Phạm Thị Phương Bình	1.130.799.732	1.130.799.732	806.291.000	806.291.000
Các đối tượng khác	24.959.592.888	24.959.592.888	36.452.809.044	36.452.809.044
<b>Cộng</b>	<b>49.251.385.403</b>	<b>49.251.385.403</b>	<b>73.241.632.632</b>	<b>73.241.632.632</b>
<b>b. Phải trả bên liên quan</b>				
Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	237.368.435	237.368.435	62.848.195	62.848.195
Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận hàng hóa XNK	241.444.757	241.444.757	467.944.449	467.944.449

## 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SX DVTM HP Vũ Anh	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Life Threads LLC,	2.357.270.384	2.357.270.384	-	-
Các đối tượng khác	86.554.610	86.554.610	83.375.470	83.375.470
<b>Cộng</b>	<b>3.443.824.994</b>	<b>3.443.824.994</b>	<b>83.375.470</b>	<b>83.375.470</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND			VND
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế GTGT	1.976.193.310	7.003.256.235	8.215.416.195	764.033.350
Thuế nhập khẩu	-	129.392.983	129.392.983	-
Thuế TNDN	-	2.650.812.253	2.158.942.700	491.869.553
Thuế TNCN	38.126.152	1.768.332.304	1.698.409.575	108.048.881
<b>Cộng</b>	<b>2.014.319.462</b>	<b>11.551.793.775</b>	<b>12.202.161.453</b>	<b>1.363.951.784</b>
<b>Thuế phải thu</b>				
Thuế TNDN	1.132.158.462	1.132.158.462	-	-
Thuế đất, tiền thuê đất	22.525.766	4.213.975.738	4.211.837.025	20.387.053
Thuế khác	16.074.452	1.837.318.034	1.837.318.034	16.074.452
<b>Cộng</b>	<b>1.170.758.680</b>	<b>7.183.452.234</b>	<b>6.049.155.059</b>	<b>36.461.505</b>

## 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi vay phải trả	183.915.468	743.176.735
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	25.463.824	229.987.824
Shandong Ruyi UK Ltd.,	1.854.184.022	2.538.172.339
Chi phí khác	589.934.350	1.391.197.004
<b>Cộng</b>	<b>2.653.497.664</b>	<b>4.902.533.902</b>

## 16. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.416.933.555</b>	<b>20.394.506.791</b>
Phải trả người lao động	177.625.734	138.559.179
Phải trả cô tức	98.225.500	92.513.942
Bagir Group Ltd.	7.453.109.460	7.453.109.460
Desipro Pte., Ltd.	1.115.120.256	1.159.102.043
Công ty TNHH Thành Thái Thịnh	542.226.580	542.226.580
Các khoản phải trả khác	9.030.626.025	11.008.995.587
<b>b) Dài hạn</b>	<b>23.730.000.000</b>	<b>22.920.000.000</b>
Bagir Group Ltd.	23.730.000.000	22.920.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.146.933.555</b>	<b>43.314.506.791</b>

## 17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	64.905.546	212.420.203
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>291.227.733.230</b>	<b>291.227.733.230</b>	<b>868.816.383.420</b>	<b>906.392.908.709</b>	<b>328.804.258.519</b>	<b>328.804.258.519</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>280.846.175.544</b>	<b>280.846.175.544</b>	<b>858.434.536.732</b>	<b>876.726.985.939</b>	<b>299.138.624.751</b>	<b>299.138.624.751</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	117.235.243.279	117.235.243.279	245.316.726.957	176.285.610.626	48.204.126.948	48.204.126.948
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	17.550.068.687	17.550.068.687	244.170.311.201	306.520.591.980	79.900.349.466	79.900.349.466
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	8.370.173.319	8.370.173.319	65.776.682.600	75.580.496.493	18.173.987.212	18.173.987.212
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (iii)	96.908.423.100	96.908.423.100	130.774.932.157	82.502.285.587	48.635.776.530	48.635.776.530
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (iv)	-	-	29.997.778.372	50.130.147.643	20.132.369.271	20.132.369.271
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	39.172.664.844	39.172.664.844	108.807.784.515	138.207.512.834	68.572.393.163	68.572.393.163
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sông Hàn (v)	1.609.602.315	1.609.602.315	33.590.320.930	47.500.340.776	15.519.622.161	15.519.622.161
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (vi)	<b>10.381.557.686</b>	<b>10.381.557.686</b>	<b>10.381.846.688</b>	<b>29.665.922.770</b>	<b>29.665.633.768</b>	<b>29.665.633.768</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.816.290.635</b>	<b>3.816.290.635</b>	<b>3.816.290.635</b>	<b>4.650.996.710</b>	<b>4.650.996.710</b>	<b>4.650.996.710</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (vii)						

28

**CÔNG TY CP DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)	5.331.308.000	5.331.308.000	5.331.597.002	16.606.138.060	16.605.849.058	16.605.849.058
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ix)	1.233.959.051	1.233.959.051	1.233.959.051	5.500.800.000	5.500.800.000	5.500.800.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	2.907.988.000	2.907.988.000	2.907.988.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>13.713.625.243</b>	<b>13.713.625.243</b>	<b>14.525.876</b>	<b>12.400.817.326</b>	<b>26.099.916.693</b>	<b>26.099.916.693</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (vii)	3.440.482.243	3.440.482.243	14.525.876	4.159.054.185	7.585.010.552	7.585.010.552
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)	10.273.143.000	10.273.143.000	-	5.864.499.180	16.137.642.180	16.137.642.180
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	1.650.240.000	1.650.240.000	1.650.240.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	727.023.961	727.023.961	727.023.961	727.023.961
<b>Cộng</b>	<b>304.941.358.473</b>	<b>304.941.358.473</b>	<b>868.830.909.296</b>	<b>918.793.726.035</b>	<b>354.904.175.212</b>	<b>354.904.175.212</b>

29

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/2022/VCB-KHDN ngày 25 tháng 08 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 70/2021/VCB-KHDN ngày 30 tháng 07 năm 2021). Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn 7 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, hàng hóa và quyền đòi nợ theo hợp đồng.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay số 01/2022-HĐCVHM/NHCT480-HACHIBA ngày 04 tháng 10 năm 2022 với hạn mức cho vay là 120.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT480-HACHIBA ngày 22 tháng 09 năm 2021), Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh dệt may. Tài sản thế chấp cho khoản vay là máy móc thiết bị kê chi tiết theo hợp đồng.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0229/2022/CTV/HĐTDHM ngày 05 tháng 07 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn cho vay tối đa là 8 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Công ty sử dụng toàn bộ tiền gửi của Công ty gửi tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (xem Thuyết minh số V.2) để thế chấp cho khoản vay này.

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.2398.200622 ngày 01 tháng 07 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn cho vay tối đa không quá 9 tháng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là bất động sản tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thửa đất số 156, TBD số 08, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam và máy móc phục vụ ngành dệt.

(v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh sông Hàn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/256967/HĐTD ngày 12 tháng 12 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm số dư nợ vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/256967/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2021). Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 11 tháng 12 năm 2023. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Biên pháp bảo đảm: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2022/256967/HĐTG với số tiền 10.200.000.000 VND và toàn bộ máy móc thiết bị với tổng giá trị 6.442.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/256967/HĐBĐ để đảm bảo cho khoản vay này.

(vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26218.22.307.2747030.TD ngày 22 tháng 06 năm 2022 với hạn mức tín dụng 1 là 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cho vay là 6 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh dệt may. Tài sản đảm bảo là tiền ký quỹ tại MB/ Hợp đồng tiền gửi/thẻ tiết kiệm/ giấy tờ có giá do MB phát hành/ trái phiếu kho bạc, bất động sản hoặc giá trị sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ phương án/động sản/ các tài sản đặc biệt khác được phép nhận tài sản bảo đảm theo quy định của MB.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(vii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2604/2018-HDCVDADT/NHCT480 -HACHIBA ngày 26 tháng 4 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.183.741.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 2 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

- Hợp đồng tín dụng số 0908/2018-HDCVDADT /NHCT480-HACHIBA ngày 9 tháng 8 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 2.128.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

- Hợp đồng tín dụng số 2009/2018-HDCV-SDBS01/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 04 tháng 10 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.289.900.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

- Hợp đồng tín dụng số 2711/2018-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 27 tháng 11 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.295.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 13 tháng 05 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 746.410.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 6.5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 28 tháng 06 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.858.500.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 6.5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 19 tháng 9 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 5.378.300.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐCVDADT/NHCT480-HACHIBA ngày 24 tháng 11 năm 2020 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 5.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 9,5% và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Đầu tư mua mới Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2021 số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT480-HACHIBA ngày 23 tháng 12 năm 2021 với các khoản tiền bằng VND nhưng không vượt quá 725.400.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 10,5% và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Đầu tư mua mới Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.256.772.878 VND (bao gồm 5.298.838.540 VND và 82.700,50 USD tương đương 1.957.934.338 VND), trong đó khoản vay đến hạn trả là 3.816.290.635 VND (bao gồm 2.387.433.360 VND và 60.353,00 USD tương đương 1.428.857275 VND).

(viii) Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với chi tiết như sau:

- Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trong năm 2015 với tổng số hạn mức vay là 52.467.176.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay của các Hợp đồng cấp tín dụng là 60 tháng và 120 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay USD là 4%/năm và 4,5%/năm; lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7,8%/năm). Mục đích của các khoản vay để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho ngành dệt và cho dự án xây dựng xí nghiệp may Veston.

- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.449.140717 ngày 29 tháng 9 năm 2017 với tổng hạn mức là 8.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để hoàn vốn đầu tư mua máy móc thiết bị.

- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.455.140717 ngày 17 tháng 8 năm 2017 với tổng hạn mức là 14.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.799.040518 ngày 16 tháng 5 năm 2018 với tổng hạn mức là 10.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.791.040518 ngày 26 tháng 6 năm 2018 với tổng hạn mức là 16.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa nhà xưởng.

Công ty sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc tại Trụ sở chính của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và thửa đất số 523, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam và các tài sản hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho trị giá 50.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 15.604.451.000 VND trong đó khoản vay đến hạn trả là 5.331.308.000 VND.

(ix) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 334/2015/VCB-KHDN ngày 9 tháng 11 năm 2015 với số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, lãi suất áp dụng là 3,96%/năm. Mục đích của các khoản vay là để thanh toán các chi phí đầu tư thực hiện dự án. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 51.999,96 USD tương đương 1.233.959.051 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>46.971.211.966</b>	<b>14.073.085.268</b>	<b>129.976.280.947</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	12.292.374.207	12.292.374.207
Trích lập các quỹ	-	-	2.679.162.344	(5.166.042.339)	(2.486.879.995)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.199.274.000)	(5.199.274.000)
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>49.650.374.310</b>	<b>16.000.143.136</b>	<b>134.582.501.159</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	19.382.258.663	19.382.258.663
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận các năm trước	-	-	3.318.941.036	(4.731.568.393)	(1.412.627.357)
Chia cổ tức 2021	-	-	-	(7.798.911.000)	(7.798.911.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2022	-	-	-	(840.000.000)	(840.000.000)
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>52.969.315.346</b>	<b>22.011.922.406</b>	<b>143.913.221.465</b>

**b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022 VND	%	01/01/2022 VND	%
Ông Huỳnh Văn Chính	5.046.290.000	9,71	5.046.290.000	9,71
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	5.525.000.000	10,63	5.525.000.000	10,63
Ông Nguyễn Đình Trường	3.080.000.000	5,92	3.080.000.000	5,92
Ông Lâm Trọng Lương	4.992.310.000	9,60	4.992.310.000	9,60
Ông Nguyễn Xuân Tùng	3.787.500.000	7,28	3.787.500.000	7,28
Ông Trần Xuân Hòe	269.000.000	0,52	269.000.000	0,52
Ông Nguyễn Xuân Anh	3.246.250.000	6,24	3.246.250.000	6,24
Cổ đông khác	26.046.390.000	50,10	26.046.390.000	50,10
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>100</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>100</b>

**c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	51.992.740.000	51.992.740.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	51.992.740.000	51.992.740.000

**d Cổ phần**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.199.274	5.199.274
- Cổ phần phổ thông	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.274	5.199.274

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

## a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.973.346.731	3.973.346.731
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	15.893.386.924	15.893.386.924
Sau 5 năm	123.835.973.116	127.809.319.847
<b>Cộng</b>	<b>143.702.706.771</b>	<b>147.676.053.502</b>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất để làm trụ sở Công ty theo Hợp đồng thuê đất số 95/HĐ-TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2009 ký kết với Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng và Phụ lục hợp đồng thuê đất ngày 15 tháng 8 năm 2019. Thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 63.801/VND/m<sup>2</sup>/năm.

## b) Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	471.441,19	143.488,88
EUR	583,53	594,09

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.613.991.779	25.350.682.036
Doanh thu bán thành phẩm	935.828.614.785	814.894.882.560
Doanh thu khác	484.287.823	801.261.674
<b>Tổng</b>	<b>937.926.894.387</b>	<b>841.046.826.270</b>

Doanh thu với các bên liên quan: Không phát sinh

## 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	1.511.197.458	25.250.473.136
Giá vốn thành phẩm	829.615.276.077	731.536.348.089
<b>Cộng</b>	<b>831.126.473.535</b>	<b>756.786.821.225</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.743.543.387	1.666.360.817
Lãi tiền trái phiếu	242.192.955	107.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.952.776.521	11.583.972.832
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.344.047.148	-
Doanh thu tài chính khác	80.501.671	190.424.348
<b>Cộng</b>	<b>18.363.061.682</b>	<b>13.548.007.997</b>

## 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.243.555.397	17.817.425.765
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.368.860.596	3.922.668.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.834.109.824
<b>Cộng</b>	<b>36.612.415.993</b>	<b>24.574.203.923</b>

## 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	53.387.191	69.899.982
Thuế, phí và lệ phí	2.103.101.493	2.216.512.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.960.136.710	4.790.975.692
Chi phí bán hàng khác	1.295.131.216	2.829.357.971
<b>Cộng</b>	<b>8.411.756.610</b>	<b>9.906.746.264</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.283.953.436	24.413.975.728
Chi phí vật liệu quản lý	3.651.478.579	2.481.807.452
Chi chi đồ dùng văn phòng	1.286.199.396	744.961.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.541.903.349	1.657.750.043
Thuế, phí và lệ phí	5.170.790.251	4.095.763.921
Chi phí dự phòng	9.278.111.364	7.310.851.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.479.451.260	5.378.237.236
Chi phí bằng tiền khác	9.144.123.325	8.599.353.819
<b>Cộng</b>	<b>62.836.010.960</b>	<b>54.682.700.787</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi nhượng bán, thanh lý TSCĐ	4.809.836.108	584.039.932
Khách hàng hỗ trợ, bồi thường hàng lỗi	203.337.102	992.267.091
Xử lý công nợ không đòi	723.448.218	78.320.521
Thu tiền bồi thường	91.248.700	4.766.933.593
Thu nhập khác	64.135.238	265.271.939
<b>Cộng</b>	<b>5.892.005.366</b>	<b>6.686.833.076</b>

## 8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý công nợ	19.660	1.801.378
Chi phí khác	177.569.956	156.145.174
<b>Cộng</b>	<b>177.589.616</b>	<b>157.946.552</b>

## 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.017.714.721	15.104.435.657
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(859.861.145)	2.910.429.461
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.801.542.672	3.459.722.712
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.661.403.817	549.293.251
Tổng lợi nhuận tính thuế	22.157.853.576	18.014.865.118
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	4.431.570.715	3.602.973.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm liên quan đến chi phí chi cho lao động nữ	648.600.000	703.674.100
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.782.970.715</b>	<b>2.899.298.924</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	(737.573.287)	(436.187.372)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(147.514.657)</b>	<b>(87.237.474)</b>

## 11. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	19.382.258.663	12.292.374.207
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(3.294.983.973)	(2.089.703.615)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	3.294.983.973	2.089.703.615
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	16.087.274.690	10.202.670.592
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.199.274	5.199.274
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	3.094	1.962
- Lãi suy giảm	3.094	1.962

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

(\*) Khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận năm nay là giá trị quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty.

## 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ	341.620.900.450	319.488.905.151
Chi phí nhân công	463.893.396.905	399.452.722.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.747.798.950	36.874.152.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.183.681.847	29.778.158.428
Chi phí khác bằng tiền	36.047.483.537	26.663.312.396
<b>Cộng</b>	<b>916.493.261.689</b>	<b>812.257.251.215</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	326.727.273	34.090.909
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.306.909.092	1.306.909.092
Sau 5 năm	4.204.901.518	4.531.628.791
<b>Cộng</b>	<b>5.838.537.883</b>	<b>5.872.628.792</b>

Các khoản thu tiền cho thuê hoạt động thể hiện chi tiết:

- Hợp đồng thuê 3.748 m2 mặt bằng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, diện tích cho thuê chỉ còn 1.188 m2) số 05/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 14 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 9 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m2/năm (bao gồm thuế GTGT).

- Hợp đồng thuê 6.000 m2 mặt bằng số 04/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 9 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 15 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m2/năm (bao gồm thuế GTGT).

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm Công ty có phát sinh các nghiệp vụ khác (chưa gồm VAT) với các bên liên quan như sau

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
CN Tổng Công ty CP May Việt Tiến	Bên liên quan	Mua vật tư	369.501.000
Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận hàng hóa XNK	Bên liên quan	Phí vận chuyển	3.616.160.207

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát.

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng quản trị, Ban giám đốc</b>			
Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	416.535.000	362.210.000
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó chủ tịch HĐQT	291.576.000	253.550.000
Ông Lâm Trọng Lương	Ủy viên HĐQT	208.263.000	181.100.000
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Ủy viên HĐQT	208.263.000	181.100.000
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	1.415.336.800	1.261.630.700
Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	638.636.400	561.576.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	382.154.600	330.217.100
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	62.470.000	54.340.000
Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	154.584.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	146.738.100	168.538.300

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất ngành may mặc, ngành dệt khăn. Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:** Hoạt động bán hàng của Công ty là bán trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Chi tiết doanh thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác ra bên ngoài theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu xuất khẩu	914.308.308.073	768.467.043.811
Doanh thu nội địa	23.618.586.314	72.579.782.459
<b>Cộng</b>	<b>937.926.894.387</b>	<b>841.046.826.270</b>

**4. Công cụ tài chính**

**a) Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là: Rủi ro tín dụng, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro thị trường

**b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>464.324.703.748</b>	<b>37.508.530.789</b>	<b>501.833.234.537</b>
Phải trả người bán	49.251.385.403	-	49.251.385.403
Người mua trả trước	3.443.824.994	-	3.443.824.994
Chi phí phải trả	2.653.497.664	-	2.653.497.664
Các khoản vay	291.227.733.230	13.713.625.243	304.941.358.473
Phải trả khác	117.748.262.457	23.794.905.546	141.543.168.003
<b>Số đầu năm</b>	<b>494.522.241.306</b>	<b>49.232.336.896</b>	<b>543.754.578.202</b>
Phải trả người bán	73.241.632.632	-	73.241.632.632
Người mua trả trước	83.375.470	-	83.375.470
Chi phí phải trả	4.902.533.902	-	4.902.533.902
Các khoản vay	328.804.258.519	26.099.916.693	354.904.175.212
Phải trả khác	87.490.440.783	23.132.420.203	110.622.860.986

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm 2022 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**6. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Cẩm Nhung

Nguyễn Thị Kim Liên

Phạm Thị Xuân Nguyệt

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2023





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT**